



# HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2013

## Đề thi:

“Trong số *các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh ở Đồng Nai mà bạn đã đến tham quan, hãy trình bày cảm nghĩ về giá trị lịch sử - văn hóa của di tích mà bạn tâm đắc nhất; nêu ý kiến góp ý kiến nghị về việc giữ gìn, phát huy giá trị của di tích ấy trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai văn minh, giàu đẹp*”.



*Cổng đình Phú Mỹ*



DI TÍCH  
LỊCH SỬ - KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT  
**ĐÌNH PHÚ MỸ**  
(HUYỆN NHƠN TRẠCH - ĐỒNG NAI)



*Tổng thể di tích đình Phú Mỹ*



## PHẦN A

# CẢM NGHĨ VỀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA DI TÍCH LỊCH SỬ - KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH PHÚ MỸ

Di sản văn hóa nói chung, loại hình di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá được tạo dựng trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử phản ánh thành quả của các thế hệ cha ông trong quá trình lao động, xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực và sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Mảnh đất Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ của tổ quốc trải qua các giai đoạn lịch sử, các thế hệ cư dân đã để lại nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực của cuộc sống. Những di tích của tỉnh Đồng Nai được nhà nước xếp hạng là một trong những thành quả, kết tinh truyền thống văn hóa của vùng đất này trong quá trình mở đất phương Nam của đất nước.

Tính đến tháng 11 năm 2013, Đồng Nai có 47 di tích được Nhà nước xếp hạng, trong đó có 26 di tích cấp Quốc gia, 20 di tích cấp tỉnh và 01 di tích Quốc gia đặc biệt (Vườn Quốc gia Cát Tiên)<sup>1</sup>.

Trong số các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh mà tôi đã tham quan, tôi tâm đắc nhất là di tích đình Phú Mỹ bởi đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu cho tính chất chuẩn mực quy mô và kiểu thức một ngôi đình làng nông thôn ở

---

<sup>1</sup> Vườn Quốc gia Cát tiên nằm trên địa bàn của ba tỉnh: Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích Quốc gia Đặc biệt theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg ngày 27/9/2012.



miền Đông Nam Bộ. Trải qua bao biến thiên, đình Phú Mỹ ghi dấu những sự kiện lịch sử yêu nước, đấu tranh cách mạng của quân dân Phú Hội trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, góp phần vào chiến tích đại thắng mùa xuân năm 1975 của dân tộc.

Nằm trong không gian “làng cổ Phú Hội” đang được tổ chức JICA Nhật Bản lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp Quốc gia, đình Phú Mỹ được xem là một trong những di tích có tiềm năng và triển vọng khá lớn trong hoạt động đầu tư và khai thác du lịch bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Với những giá trị về lịch sử, kiến trúc, gắn liền với danh nhân văn hóa, đình Phú Mỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng là di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật (theo Quyết định số 3525/QĐCT.UBND ngày 10/10/2005).

Đặc biệt, đối với tôi đây còn là di tích để lại nhiều kỷ niệm của những ngày đầu chập chững bước vào nghề: tháng 6 năm 2008, khi mới chân ướt chân ráo vào nhận công tác tại một cơ quan quản lý về văn hóa của tỉnh, một tuần sau tôi nhận được lệnh điều động đi Nhơn Trạch thực hiện công tác kiểm kê hiện vật tại di tích đình Phú Mỹ. Đến Phú Hội, cùng một số anh chị em trong cơ quan, chúng tôi được bố trí nơi ăn nghỉ tại nhà bác Nguyễn Văn Ngọc (bác Năm Ngọc - Trưởng Ban Quý tế đình Phú Mỹ). Lần đầu tiên được đi thực tế tại cơ sở, tôi thật sự vui mừng và háo hức, cái háo hức của tuổi trẻ, của một người với vào nghề. Nhưng sự háo hức đó chẳng tày gang khi tôi sớm nhận ra sự khác biệt giữa học và làm, ôm vốn lý thuyết suông sau những năm tháng tích lũy trên giảng đường đại học khi đi vào áp dụng thực tế mới thấy bao khó khăn, vấp vấp. Nói thật, lúc đó tôi cảm thấy nản vô cùng, non nớt và thiếu kinh nghiệm thực tiễn... tôi muốn bỏ cuộc. Thế nhưng, nhờ sự an ủi, dìu dắt, chỉ bảo tận tình của đồng nghiệp, sự động viên chân thành của các bác trong Ban Quý tế đình, những con người hiền hậu và mến khách cùng ăn, cùng ở, cùng làm đã giúp tôi vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.



Những buổi tối sau khi cơm nước xong, bên tách trà Phú hội bác Năm Ngọc lại kể cho chúng tôi nghe về lịch sử của đình, về phong trào đấu tranh sôi sục, lòng yêu nước và tinh thần quả cảm của nhân dân Phú Hội. Đặc biệt, bác còn kể cho chúng tôi nghe về lịch sử ba bức hoành phi treo trang trọng trong Tiền đình được rút ra từ trong Kinh thi mà ba chữ đầu ghép lại thành tên của Người: Hồ Chí Minh

Hồ nhiên nhi thiên

Chí vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức.

### **I. PHÚ HỘI XƯA VÀ NAY:**

Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, bản dịch Nguyễn Thọ do Nhà xuất bản Văn hóa - Sài Gòn ấn hành năm 1972 ở tập Trung, trang 51 có đoạn viết: “Năm Gia Long thứ 7 (1808) các đơn vị hành chánh được cải trấn: Trấn Biên dinh thành trấn Biên Hòa, nâng huyện lên thành phủ, tổng lên thành huyện. Phủ Phước Long gồm 04 huyện: Phước An, Phước Chánh, Bình An và Long Thành. Lúc này, xã Phú Hội có tên là Phú Mỹ an thôn thuộc tổng Thành Tuy, huyện Long Thành”.

Cùng với sự ra đời của các đơn vị hành chánh, các thiết chế văn hóa đình, chùa, miếu, võ - nhu cầu tinh thần cơ bản của một làng cũng được ra đời. Như bao ngôi đình khác, đình Phú Mỹ được cất lên từ thuở ấy và lấy tên làng đặt tên cho ngôi đình. Cứ như vậy, cái tên “đình Phú Mỹ” được nhân dân xã Phú Hội lưu truyền cho tới ngày nay. Nhà văn Sơn Nam đã viết: "Có đình thì mới tạo được thể đứng, gắn bó vào cộng đồng dân tộc và cần khôn vũ trụ, bằng không chỉ là lục bình trôi sông, một dạng lưu dân tập thể"<sup>2</sup>.

Đình và làng có mối quan hệ qua lại, gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong bài này, tôi khái quát sơ lược vài nét về xã (làng) Phú Hội xưa và nay để từ đó nêu bật

<sup>2</sup> Sách “Đình miếu và lễ hội dân gian Nam bộ” của nhà văn Sơn Nam, Nxb Trẻ, năm 2009, tr 21.





được các giá trị của di tích đồng thời đề xuất những phương hướng bảo tồn và phát huy giá trị của di tích đình Phú Mỹ trong quá trình xây dựng, phát triển xã Phú Hội nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung ngày càng văn minh, giàu đẹp.

### **1. Địa lý và lược sử hành chánh**

Phú Hội ngày nay là đơn vị cấp xã thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa khoảng 40 km về hướng Nam, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 35 km về hướng Đông tính theo đường chim bay.

Vị trí địa lý của xã Phú Hội được xác định: Phía Bắc và Đông Bắc giáp xã Phước Thiện, phía Tây và Tây Nam giáp xã Long Tân, phía Đông Nam giáp xã Hiệp Phước.

Tọa độ địa lý như sau: Kinh độ Đông từ 106053'00'' đến 106053'07'', Vĩ độ Bắc: từ 10045'38'' đến 10045'47''. Tổng diện tích của xã Phú Hội là: 1.918,86 ha, chiếm 4,69% tổng diện tích của huyện Nhơn Trạch.

Năm 1698 là mốc thời gian lịch sử của vùng đất Nam Bộ khi Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lược phương Nam, đã sát nhập vùng Đồng Nai - Gia Định vào lãnh thổ Đàng Trong. Vùng đất Phú Hội thuộc dinh Trấn Biên, huyện Phước Long, phủ Gia Định. Nửa cuối thế kỷ XVIII, đất Phú Hội của Trấn Biên thuộc dinh Phiên Trấn. Đến năm 1788, Phú Hội thuộc tổng Long Thành, dinh Trấn Biên như trước đây. Năm 1808, Phú Hội thuộc huyện Long Thành, trấn Biên Hòa, phủ Phước Long, thành Gia Định. Lúc bấy giờ các Tổng ở Biên Hòa được đổi thành Huyện và Dinh đều được đổi thành Trấn. Năm 1820, Phú Hội vốn thuộc Tổng Thành Tuy (mới đặt) trong huyện Long Thành. Tổng Thành Tuy có 29 thôn, trong đó có đề cập thôn Mỹ Khoan. Đây là địa danh đầu tiên với địa vực rộng lớn vốn là cơ sở để hình thành nên Phú Hội và các vùng phụ cận sau này. Năm 1832, Phú Hội (thôn Mỹ Khoan, Phú Mỹ An) thuộc huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa, phủ Phước Long, thành Gia Định. Từ năm 1837 đến



trước khi Biên Hòa bị Pháp chiếm, Phú Hội trực thuộc huyện Long Thành, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa.

Từ khi Pháp chiếm và thiết lập bộ máy cai trị, Phú Hội cũng phụ thuộc vào sự thay đổi hành chính của chính quyền thực dân. Chủ yếu là sự thay đổi tên gọi trực thuộc từ cấp tỉnh là tiểu khu Biên Hòa, hạt Biên Hòa và huyện trước đây thành quận Long Thành hay Sở Tham biện Long Thành.

Theo sách Biên Hòa sử lược của nhà nghiên cứu Lương Văn Lựu cho biết, vào năm 1878, vùng đất Phú Hội gồm làng Mỹ Hội (ấp Mỹ Thành/ còn gọi là Giang Lò), xóm Bàu Cá và Phú Mỹ (Bến Cam) thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Theo bản đồ của Boilloux khi miêu tả tỉnh Biên Hòa năm 1881, vùng đất Phú Hội có tên làng Mỹ Khoan. Lịch An Nam thông dụng 1897 thì ghi chú, ngoài làng Mỹ Khoan trước đây còn có thêm các làng: Mỹ Hội, Phú Mỹ, An Phú. Bốn làng Mỹ Khoan, Mỹ Hội, Phú Mỹ, An Phú thuộc Phú Hội này vẫn còn tên trong tư liệu Monographie de Bien Hoa năm 1901. Monographie de Bien Hoa năm 1924 của Robert thì làng Mỹ Khoan đã sáp nhập cùng với làng Mỹ Hội, Phú Mỹ để hình thành xã Phú Hội. Tư liệu Thời sự cầm nang Biên Hòa năm 1939 thì các làng trên không thấy đề cập, chỉ duy nhất một làng với tên gọi Phú Hội. Như vậy, các tư liệu trên cho thấy có những thay đổi về tên gọi, trong đó làng Mỹ Khoan dần biến mất, xuất hiện thêm 03 làng mới (cùng ấp, xóm). Sau đó, các làng hợp nhất thành Phú Hội. Chắc chắn sự thay đổi tên gọi của các làng thôn này cũng có sự thay đổi về địa giới nhưng không đáng kể mà chỉ trên một địa bàn vốn thuộc Phú Hội ngày nay cũng như một phần trong các xã kế cận.

Trong giai đoạn 1945 - 1954, về phía chính quyền thực dân, địa bàn Phú Hội vẫn thuộc hành chính như giai đoạn trước. Về phía chính quyền cách mạng, đầu năm 1951, Trung ương Cục miền Nam tổ chức lại chiến trường. Toàn Nam Bộ tổ chức thành hai Phân liên khu: miền Đông và miền Tây. Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu



Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên; tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập thành tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn (thường gọi là Bà Chợ). Huyện Long Thành thuộc tỉnh Bà Chợ. Như vậy, địa bàn Phú Hội thuộc huyện Long Thành, tỉnh Bà Chợ.

Đối với phong trào đấu tranh cách mạng của huyện Long Thành, cuối năm 1951, địa bàn này có sự phân chia theo đơn vị Khu để kiện toàn, đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền. Toàn huyện Long Thành chia làm 05 Khu. Xã Phú Hội bao gồm Phú Mỹ, Mỹ Hội cùng với xã Phước Thiên, Long Tân thuộc Khu II.

Về phía chính quyền cách mạng, địa bàn Phú Hội vẫn thuộc Long Thành, Nhơn Trạch nhưng có sự thay đổi theo sự phân chia trong từng giai đoạn cụ thể của tỉnh Biên Hòa: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hoà (năm 1960), huyện Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hoà nông thôn (1965), huyện Long Thành, tỉnh Bà Biên (1966), thuộc Phân khu 4 (10/1967 đến 4/1971), Phân khu Bà Rịa (5/1971 đến 8/1972), huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa (1972 đến 1975).

Từ năm 1954 - 1975, chính quyền Sài Gòn có một số thay đổi hành chính. Năm 1956, tỉnh Biên Hòa được thành lập sau khi có một số điều chỉnh về địa giới để hình thành một số tỉnh mới. Lúc bấy giờ, địa bàn Phú Hội thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Năm 1960, địa bàn Phú Hội thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa. Địa phương chí tỉnh Biên Hòa của Tòa Hành chính tỉnh Biên Hòa năm 1971 có ghi xã Phú Hội có 5 ấp, gồm: xóm Vườn, ấp Chợ, ấp Phú Mỹ I, ấp Phú Mỹ II và ấp Đất Mới.

Sau ngày đất nước thống nhất, địa bàn Phú Hội thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cho đến năm 1994. Sau đó, huyện Long Thành chia làm hai huyện là Long Thành, Nhơn Trạch. Địa bàn Phú Hội thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến hiện nay.

## 2. Môi trường tự nhiên





Phú Hội là vùng đất nằm ven sông Đồng Môn, phân bố ở hai bên tỉnh lộ 769 (25A), con đường đi từ thị trấn Long Thành về phà Cát Lái của thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vùng địa hình bán bình nguyên, có bề mặt nghiêng thoải từ Đông Nam (độ cao 31m) xuống Tây Bắc (độ cao 0,8 - 1,0m), là vùng chuyển tiếp giữa đất gò đồi với vùng phù sa phèn. Đất đai của Phú Hội có các nhóm chính sau: đất phèn, đất xám, đất xám vàng trên phù sa cổ, đất xám gley trên phù sa cổ. Nhìn chung, phần lớn các nhóm đất của xã Phú Hội có chất lượng tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng và có nền địa chất vững chắc thuận lợi cho việc bố trí phát triển đất phi nông nghiệp.

Hệ thống sông, rạch của Phú Hội chủ yếu tập trung ở vùng phía Bắc, bao gồm: sông Đồng Môn, rạch Miếu Bà, rạch Bàu Cá, rạch Cát... chịu sự tác động của thủy triều theo chu kỳ bán nhật. Hệ thống sông, rạch này vừa là đường giao thông, đồng thời cũng là kho dự trữ nước ngọt cung cấp nước tưới cho cây trồng. Các loài tôm, cá nước ngọt di chuyển theo mùa trên sông Đồng Môn và các kênh, rạch là nguồn lợi thủy sản của địa phương.

### **3. Cư dân và sắc thái văn hóa**

Dân số xã Phú Hội theo thống kê năm 2012 là: 9.388 người. Toàn xã có 04 thành phần dân tộc cộng cư. Người Kinh chiếm số lượng đông đảo nhất, kế đến là người Hoa, Chơ ro, Khơ me. Còn các tộc người khác có số lượng khá khiêm tốn, đến sinh sống thời gian sau này, biểu lộ về tính hiện diện chứ không phản ánh tính cộng đồng.

Người Kinh đến khai phá vùng đất Phú Hội từ rất sớm. Tư liệu về Làng Phú Hội cho biết có những dòng họ lớn đến đây khai khẩn từ lâu. Xét trong bối cảnh chung khai phá đất Đồng Nai xưa, có thể thấy nguồn gốc của những cư dân đến sinh sống ở Phú Hội vô cùng đa dạng. Nhiều người dân từ miền Trung đến đây khai khẩn cách đây trên 200 năm. Có nhiều dòng họ đến nơi khác sinh sống, rồi một thời



gian sau đó, tìm đến Phú Hội lập nghiệp. Quá trình cộng cư của nhiều thế hệ dân cư tại Phú Hội với nguồn gốc nhiều lớp cư dân đã tạo nên cho vùng đất này những sắc thái văn hóa khác nhau.

Phong tục tập quán của các thế hệ cư dân đầu có những tác động, biến đổi qua nhiều thời kỳ lịch sử, song đã tạo nên những nét đẹp, mang dấu ấn của cộng đồng trên một địa bàn cụ thể. Người dân Phú Hội còn bảo lưu tập quán, nghi lễ truyền thống của người Việt trong chu kỳ vòng đời người. Làng quê Phú Hội vẫn còn những nghề truyền thống.

Nhà ở truyền thống của người dân Phú Hội thường được tạo dựng với đặc điểm chính là nhà ba gian hai chái, được bố trí hài hòa trong khuôn viên vườn cây, hàng rào bao quanh rất đối bình dị. Phú Hội là địa bàn có số lượng lớn về nhà cổ. Phần lớn, các kiến trúc nhà cổ bằng gỗ được tạo dựng khá sớm, từ cuối thế kỷ XIX trở đi. Một số nhà cổ tiêu biểu như: nhà bà Mã Thị Tám (1890); nhà ông Đào Trí Mỹ Nhân (Hội đồng Liêu) (1900); nhà ông Nguyễn Phong Lưu (1900); nhà ông Lê Thanh Thiện (1900)...

#### **4. Những địa danh liên quan**

Hiện nay, Phú Hội gồm các đơn vị hành chính cấp ấp: xóm Hố, Đất Mới, Phú Mỹ I, Phú Mỹ II. Ngoài những địa danh hành chính trên, nhiều địa danh khác của vùng Phú Hội phản ánh sự phong phú trên nhiều lĩnh vực của một địa bàn được con người đến khai khẩn từ rất sớm.

Phú Hội là một mỹ tự với hàm nghĩa là nơi tập trung của sự sung túc, giàu sang. Địa danh này đi vào trong những câu ca được lưu truyền rộng rãi:

- Nước Mạch Bà, Trà Phú Hội



*Nước Mạch Bà*



*Trà Phú Hội*

Hay:

- Trà Phú Hội, nước Mạch Bà

Sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân

Cá Bui, Sò huyết Phước An

Gạo thơm Phước Khánh, tôm càng Rạch Nhum

- Ai về Phú Hội, Phước Thiên

Chôm chôm xóm Hố, sầu riêng xóm Vườn.

Cùng với những địa danh An Lợi, Long Tân, Phước An, Phước Khánh, Phước Thiên, Rạch Nhum... vùng đất Phú Hội với các làng, thôn xóm Hố, xóm Vườn đã góp phần làm nên những đặc điểm lý thú, độc đáo của vùng đất phía hạ nguồn sông Đồng Nai trước khi chảy ra các cửa biển.

Xã Phú Hội được hình thành từ ba làng chính: Mỹ Khoan, Mỹ Hội, Phú Mỹ. Đây là những địa bàn được khai phá sớm trên vùng đất Nhơn Trạch. Không lý giải theo chiết tự nhưng dân gian vẫn có cách hiểu đơn giản nhất về ngữ nghĩa của tên



làng, thôn, ấp. Mỹ là cái đẹp. Khoan là sự khoan dung. Hội là nơi tập trung, tụ lại. Phú là sự giàu sang. Điều đặc biệt là ở các địa danh của các thôn để hình thành xã Phú Hội là sự xuất hiện của chữ Mỹ. Điều này có thể phản ánh đây là vùng đất được tạo dựng với bao điều đẹp đẽ sau một thời gian những lớp cư dân đến sinh sống, hoặc có thể là mong muốn, khát khao về cái đẹp cũng như sự giàu có, sự khoan dung, hội tụ.

Sông Đồng Môn là sông lớn của huyện Long Thành - Nhơn Trạch, chảy qua xã Phú Hội. Sông Đồng Môn gắn liền với những sự kiện lịch sử và nó cũng đi vào trong câu ca dân gian:

- Nước sông Đồng Nai sóng dồi lên xuống

Cửa Đồng Môn mây cuốn cánh buồm xuôi

Bậu với Qua hai mặt một lời

Trên có trời, dưới có đất

Nguyện sông cạn non đời cũng chẳng xa.



*Sông Đồng Môn*



Hay:

- Tràu Đồng Nai tràu ăn nhả bã

Thuốc Đồng Môn thuốc hút phà hơi

Trầu nòng thuốc thắm ai ơi

Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.

Câu ca thật thú vị khi mượn những hình ảnh “trầu nòng Đồng Nai” và “thuốc thắm Đồng Môn” để nói lên chuyện duyên tình nghĩa nặng của con người.

Một số địa danh khác ở Phú Hội phản ánh nhiều mặt của vùng đất này. Địa danh phản ánh sự phong phú thực vật của địa phương như: bến Cây Điệp, bến Cây Me, đường Cây Dầu, hóc Cây Da, hồ Cây U... địa danh phản ánh môi trường tự nhiên như: Bàu Cá, Rạch Cát, xóm Hố, bến ghe nòng Giang Lò. Địa danh gắn liền với tên gọi dân dã về một nhân vật gắn liền với vùng đất như: xóm Hố Bà Đại, bến ghe Dinh Ông, rạch Ông Hương, bến đò ông Tư Chón. Địa danh gắn với cơ sở tín ngưỡng có Rạch Miếu.

## 5. Truyền thống đấu tranh

Người dân Phú Hội có truyền thống đấu tranh kiên cường. Những thế hệ cư dân đầu tiên ở Phú Hội nói riêng, vùng đất Nhơn Trạch - Long Thành nói chung đã vượt qua những khó khăn, thử thách chống chọi với thiên nhiên và thú dữ, thích ứng với môi trường để tồn tại. Nhiều chuyện xưa được lưu truyền khi khai khẩn, người dân Phú Hội phải đấu với thú dữ “dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um”. Trong thời kỳ đầu thế kỷ XX, Phú Hội là địa bàn có phong trào Hội kín hoạt động khá sôi nổi. “Hội kín” là một tổ chức yêu nước, kháng chiến chống thực dân Pháp. Hội kín phát triển khá mạnh ở Long Thành, Biên Hòa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), xã Phú Hội bao gồm Phú Mỹ, Mỹ Hội là địa bàn có phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi





phải gánh chịu nhiều đau thương, mất mát và hy sinh, nhưng người dân vẫn một lòng trung kiên đi theo con đường cách mạng do Bác Hồ, Đảng lãnh đạo, chiến đấu đánh đuổi kẻ thù xâm lược, giải phóng quê hương. Từ năm 1954, nhân dân Phú Hội bước vào một giai đoạn mới trong lịch sử chung của dân tộc: chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai để đi đến thắng lợi cuối cùng năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Là một xã nằm trong vùng kìm kẹp của địch, nhưng chiến tranh càng ác liệt phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân càng kiên cường. Nằm trong vùng địch hậu, nhưng hầu hết gia đình trong xã là cơ sở cách mạng. Có 03 gia đình được đặt làm cơ sở Huyện ủy Nhơn Trạch; 134 bà má tham gia Hội mẹ Chiến sĩ. Là địa phương rất ít ruộng nước, nhưng Phú Hội đã đóng góp cho cách mạng hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm. Người dân Phú Hội đã ủng hộ và đóng tiền mua công trái phiếu (trương đương 100 lượng vàng) trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân năm 1968, xã Phú Hội đã góp 5.700 ngày công để làm 500 mét đường địa đạo, 1200 mét giao thông hào, 250 ô ụ chiến đấu, 500 chông, đinh. Nhân dân xã tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ tiền tuyến. Toàn xã có 360 thanh niên tòng quân nhập ngũ, 213 thanh niên tham gia du kích địa phương. Nhân dân cùng đội du kích Phú Hội kết hợp với bộ đội chủ lực huyện Long Thành, Nhơn Trạch chiến đấu 1.250 trận gồm: chống địch càn quét, phá đồn, phá ấp chiến lược, phá bình định, diệt ác ôn, gài trái, bắn tỉa. Thành tích trong chiến đấu: xã diệt 673 tên địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắt sống 55 tên, diệt 54 tên ác ôn.

Phú Hội là địa phương dẫn đầu huyện Long Thành - Nhơn Trạch về đấu tranh chính trị: 250 cuộc đấu tranh lớn nhỏ với 18.000 lượt người tham gia. Với quá trình đấu tranh trên nhiều mặt trận chống kẻ thù, xã Phú Hội được tặng thưởng 56 Huân chương chiến sĩ hạng nhất; 65 Huân chương hạng nhì; 74 Huân chương



hạng ba; 13 Huân chương chiến thắng; 73 Huân chương chiến công; 39 Huân chương chiến sĩ vẻ vang và nhiều huy chương, bằng khen trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Riêng đội dân quân du kích xã Phú Hội được tặng thưởng: 02 Huân chương chiến công hạng I (1965, 1975); 02 Huân chương Chiến công hạng II (1966, 1969); 01 Huân chương chiến công hạng III (1975) và 03 Bằng khen tập thể. Một số thành viên đội được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý; tiêu biểu có: 03 đồng chí được tặng Huân chương chiến công hạng III, 06 đồng chí được tặng Danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, 01 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng diệt Mỹ, 08 đồng chí đạt danh hiệu Quyết Thắng. Năm 1978, đội du kích xã Phú Hội vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý: Đơn vị anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## **II. NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA DI TÍCH:**

### **1. Giá trị lịch sử - văn hóa:**

Vào thế kỷ XV, XVI, vùng đất Đồng Nai còn hoang vu. Địa bàn này trở thành địa điểm lý tưởng cho nhiều lớp cư dân từ nơi khác đến sinh sống. Năm 1698 là cột mốc lịch sử quan trọng đối với vùng đất Đồng Nai khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn kinh lược vùng đất phương Nam. Vùng đất Đồng Nai tiếp tục đón nhận những đợt nhập cư lớn của các nguồn di dân đến Đồng Nai, làm tăng dân số và thành phần dân cư. Đó là cuộc di dân từ các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) đến Đồng Nai theo chính sách khai khẩn của các chúa Nguyễn.

Hành trình của những cư dân đến khai khẩn đất Đồng Nai bằng đường bộ và đường thủy. Trong đó, đường thủy là cách thuận tiện, được nhiều cư dân chọn lựa. Bởi, khi chọn đi đường thủy (vượt biển) thì họ vào vùng đất Đồng Nai thuận lợi hơn là phải vượt qua vùng đất của Chăm pa với đầy biến động xã hội.



Những lớp cư dân vào cửa biển, men theo các dòng sông, tìm đến những giồng đất tốt, có điều kiện thuận lợi, trước hết ven sông để tạm cư và sinh sống. Trải qua những thời kỳ khác nhau, khi dân cư phát triển, vùng đất đón thêm những lớp cư dân khác, để tìm vùng đất mới thuận lợi, nhiều lớp dân cư đã tìm đến các nơi khác lập làng. Từ đó, các làng, thôn, ấp ở Đồng Nai được hình thành và ngày càng mở rộng.

Vùng miệt dưới Nhơn Trạch - Long Thành của sông Đồng Nai khá thuận lợi trong chuyến hành trình tìm đất mới của các cư dân từ nơi khác đến sinh sống. Phú Hội có đường sông để đi lại, có rừng núi để khai thác lâm sản, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc trồng lúa nước và chăn nuôi... nơi đây trở thành địa điểm lý tưởng của người dân di cư. Những giồng đất ven các sông Đồng Môn, rạch Bà Ký, nông Giang Lò, các đồng ruộng với nhiều mương rạch, nhiều cây nhưng không lâm vào cảnh lam sơn chương khí như ở miệt thượng sông Đồng Nai thu hút một lượng người di dân tìm đến để lập làng, khai thôn, mở ấp. Thật khó mà khảo chứng chính xác thời điểm những lớp cư dân đầu tiên đến Phú Hội sinh sống nhưng chắc chắn rằng, đến đầu thế kỷ XIX, ở đây đã hình thành nên những cụm dân cư như Mỹ Khoan, Phú Mỹ, Mỹ Hội. Những thôn làng của nhiều người tìm đến Phú Hội sinh sống đã làm cho một vùng đất hoang sơ trước đó được ổn định từ tổng Long Thành cho đến tổng Thành Tuy Hạ sau này. Qua các nguồn tư liệu, cho thấy địa bàn Long Thành (bao gồm cả Nhơn Trạch ngày nay) là nơi ổn định cả về tên gọi, địa giới và quy mô khai khẩn mạnh mẽ trong lịch sử mở mang vùng đất Đồng Nai.

Cùng với cư dân đã ổn định trước đây, những lớp cư dân đến sau hòa chung với cộng đồng trong cuộc mưu sinh nơi vùng đất mới. Ban đầu những chòm xóm, sau đó mở rộng thành ấp rồi đến thôn, làng, xã. Đứng trước bao khó khăn, thử thách, người dân buổi đầu khai khẩn gắn kết với nhau, tương thân, tương ái, đoàn kết nhau cùng sinh tồn, để lao động, chế ngự những nguy hiểm. Đó cũng là một



quy luật không chỉ ở vùng Phú Hội của Long Thành - Nhơn Trạch nói riêng mà cả vùng Đồng Nai - Nam Bộ nói chung.

Chắc chắn những xóm, làng thôn thuở ban đầu khai khẩn ở Phú Hội không rộng lớn. Theo những người cao tuổi kể lại, làng Phú Mỹ do dòng họ Nguyễn khai khẩn. Tương truyền, dòng họ Nguyễn này có điểm khởi xuất từ viên Quản đốc đoàn thuyền buồm của chúa Nguyễn có tên là Nguyễn Văn Miên. Ông Nguyễn Văn Miên là người gốc tỉnh Thanh Hóa. Vào thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (ở ngôi chúa từ năm 1765 - 1777), ông giữ chức Quản đốc, chỉ huy đoàn thuyền buồm vào Nam chuyên chở lương thực về Huế. Đoàn thuyền do ông chỉ huy cứ vào Nam ra Bắc thường xuyên. Trong một chuyến đi, đoàn thuyền của ông vào Nam chưa kịp trở ra Huế thì chúa Nguyễn phải chạy loạn vào Nam. Đội quân của đoàn thuyền do ông Nguyễn Văn Miên chỉ huy được lệnh giải thể, đồng thời được cấp giấy cho ở lại khẩn đất ở miền Nam lập nghiệp sinh sống. Ông Nguyễn Văn Miên đã đến khai khẩn đất ở Phú Mỹ với diện tích khoảng 6 mẫu, 7 thước, 5 tấc.

Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất mới, người Việt từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Đó là cơ sở cho việc hình thành các đình, miếu của thôn, làng người Việt ở Phú Hội.

Người xưa chọn đất dựng đình thờ Thần vì nhu cầu tâm linh làng xã, nhưng cũng chính là ước vọng sự sung túc, thịnh vượng của cả cộng đồng. Từ lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng như đình, miếu... được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Thường thì nhóm cộng đồng cư dân tại một vùng chung sức nhau để dựng lên. Về sau, trong quá trình phát triển, những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp lên cả về quy mô lẫn hình thức do sự lớn mạnh của chính cộng đồng dân cư tại chỗ.



Trong quá trình khẩn hoang, lập ấp Phú Mỹ, nhiều người dân đã bỏ mạng trên mảnh đất này bởi bệnh tật, thú dữ. Đứng trước những hoàn cảnh như vậy, năm 1802, ông Nguyễn Văn Miên đã vận động dân làng Phú Mỹ chặt cây rừng cất lên một ngôi miếu nhỏ tại gò đất cao trong mảnh ruộng ông Bồn (còn gọi là cánh đồng Dinh Ông). Ngôi miếu ban đầu được làm thô sơ bằng những loại cây có sẵn trong vùng. Tuy đơn sơ nhưng trong tâm thức người dân khai hoang Phú Mỹ, họ thành tâm mong muốn thần linh giúp đỡ trong quá trình lập làng, khai khẩn; biết ơn những người đi trước, đồng thời cầu siêu cho những con người đã mất trước đó. Đây là một trong những dạng thức tín ngưỡng dân gian về thờ thần linh để cầu an bắt nguồn từ miền quê gốc và gắn với người dân Phú Mỹ trên vùng đất mới.

Sau khi ông Nguyễn Văn Miên qua đời, con ông là Nguyễn Văn Sắc cùng với dân làng Phú Mỹ tiếp tục khai phá đất rừng, mở rộng diện tích làng Phú Mỹ. Quá trình khai phá, mở rộng làng xã, thôn ấp đã làm phát lộ địa điểm thích hợp cho việc dời miếu làng cho thuận lợi với sinh hoạt của người dân và tôn thêm sự tôn kính đối với nơi thờ tự thần linh của địa phương.

Thế nhưng, khu đồng Ông Bồn hay bị ngập nước mỗi khi mưa. Miếu thờ nơi gò cao bị nước ngập bao quanh ảnh hưởng tới việc đi lại của người dân đến viếng hay cả dân làng trong khi tổ chức các nghi lễ ở miếu của làng khi đến lễ cúng. Năm 1820, để tránh tình trạng này, ông Nguyễn Văn Sắc bàn với dân làng Phú Mỹ dời ngôi miếu lên phía khu rừng có địa thế cao và nhiều cây cổ thụ. Ông Nguyễn Văn Sắc được người dân tín nhiệm, trông coi nhang khói trong miếu làng. Miếu được xây dựng với quy mô lớn hơn trước ở khu gò trong ruộng Ông Bồn. Miếu đổi tên thành đình. Người dân lấy tên làng gọi tên đình như chứng tích của một thời khai khẩn, cũng như thể hiện khát vọng, tôn kính thần linh của dân làng Phú Mỹ. Đình Phú Mỹ thờ Thần Thành hoàng Bồn cảnh - vị thần bảo hộ cho làng Phú Mỹ.





Cả vùng Phú Hội lúc bấy giờ vẫn còn những khu rừng rậm rạp. Ngoài những khu vực dân khai phá, nhiều nơi thú dữ vẫn còn sinh sống. Vì vậy, khu vực đình làng Phú Mỹ trên sườn đồi cao, nhiều cây cối nhưng nói liền là khu rừng có thú dữ nên ít người dám qua lại. Ông Nguyễn Văn Sắc, một người giỏi võ và có công khởi dựng, trông coi đình đã quyết tâm đi tìm diệt thú dữ để cho người dân của làng đến đình mà không còn sợ thú đe dọa tính mạng. Có nhiều câu chuyện lưu truyền ở địa phương về việc ông Nguyễn Văn Sắc đánh nhau với thú dữ ở rừng Phú Hội. Trong một lần đến trông coi đình, dân làng không thấy ông trở về. Họ đi tìm và thấy thân thể của ông bị thương nặng do móng vuốt của cọp. Dân làng đem ông về chữa trị nhưng ông Nguyễn Văn Sắc không qua khỏi. Đình Phú Mỹ vẫn còn đó nhưng trong tình trạng dân làng ít dám đến vì nạn thú dữ.

Năm 1832, trước tình cảnh đình không người trông coi, dân làng Phú Mỹ quyết định dời đình về ngọn đồi gần khu dân cư hơn. Địa điểm để dời đình có diện tích rộng, khá bằng phẳng lại là nơi đình ngọn đồi nhiều cây cỏ thụ nhưng tách bạch khỏi các khu rừng trước đó. Trong thời điểm lúc bấy giờ, các khu rừng liền kề nơi đình làng trước đây cũng được người dân khai phá, làm rẫy nên thú dữ cũng không trú lại mà tìm đến nơi khác sinh sống. Mỗi lần dời đình là diện tích đình được mở rộng và kiến trúc đình được sửa chữa, kiên cố hơn. Bộ khung kiến trúc đình được thay bằng những loại cây gỗ tốt khai thác từ rừng ở địa phương. Mái đình Phú Mỹ được lợp ngói âm dương thay cho mái lá trước đây. Không gian kiến trúc thờ tự được mở rộng, ngoài Chánh điện thờ chính là Thần Thành hoàng Bản cảnh, người dân đã phối thờ các liệt vị và các bậc Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ. Trong phạm vi chung của sân đình, người dân xây những miếu thờ các vị thần linh khác; trong đó có miếu thờ Thần Hồ. Phải chăng, trong câu chuyện ông Nguyễn Văn Sắc đánh nhau với cọp dữ với nhiều chi tiết kỳ bí có thể là cơ sở để lý giải về việc xây miếu thờ thần Hồ trong phạm vi của đình Phú Mỹ.



Trong quá trình phát triển, trải qua nhiều biến thiên của lịch sử đình liên tục được trùng tu, tôn tạo. Thuở sơ khai, kinh tế khó khăn, lại thêm sự khống chế của triều đình nên đình, miếu xây dựng với quy mô nhỏ. Từ thế kỷ XIX, đình, miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Sau này, với sự phát triển nhiều mặt kinh tế - xã hội, nhiều cộng đồng dân cư từ nhiều nguồn tài lực khác nhau đã trùng tu, tôn tạo đình. Nhiều thành tố trong kiến trúc đình được bổ sung vào phạm vi cơ sở tín ngưỡng. Quy mô kiến trúc của các ngôi đình lớn dần theo tỷ lệ thuận với sự mở mang thịnh vượng của cộng đồng<sup>3</sup>.

Kiến trúc hiện tồn của đình Phú Mỹ với những thành tố hợp thành cho thấy đình Phú Mỹ đã trải qua những lần trùng tu, tôn tạo trong thế kỷ XX. Một số mốc thời gian được nhắc đến liên quan đến đình Phú Mỹ được những người cao tuổi ở Phú Hội cho biết như sau:

- Năm 1933: Thay thế một số hàng cột gỗ ở tiền đình.
- Năm 1958: Trùng tu các miếu thờ phía trước đình bằng vật liệu gạch, xi măng thay cho vật liệu gỗ trước đó.
- Năm 1961: Tôn tạo bức bình phong của đình.
- Năm 1969: bổ sung, thay thế một số hoành phi, liễn đối.
- Năm 1998: sửa chữa thay mái ngói âm dương bằng ngói tây ở Tiền đình, Chánh điện. Một số bệ thờ được xây dựng thêm.
- Năm 2006: Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh lần đầu tiên ứng dụng kỹ thuật bảo quản, gia cố, gia cường, tu bổ theo hướng dẫn của Cục Di sản văn hóa, nhằm ngăn ngừa nguy cơ môi mọt, nấm mốc xâm hại phá hủy các cấu kiện cấu thành di tích, đảm bảo cho di tích tồn tại lâu dài.

---

<sup>3</sup> Phan Đình Dũng. *Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội truyền thống ở Biên Hòa. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên, 2008.*



*Trùng tu nhà khách năm 2006*

- Năm 2010: UBND huyện Nhơn Trạch đã đầu tư kinh phí xây dựng cổng tam quan, cổng phụ, hệ thống tường rào bảo vệ đình Phú Mỹ.

- Năm 2012: tập trung đầu tư xây dựng nhà Võ (thờ Tiên sư).

Kể từ khi khởi dựng cho đến nay, đình Phú Mỹ đã trải qua nhiều lần sửa chữa, trùng tu, mở rộng với quy mô khác nhau. Tuy không được ghi chép đầy đủ, nhưng đã được truyền lại trong ký ức của người dân Phú Hội. Ngôi đình hiện nay là di sản được kế thừa, phát huy qua nhiều thế hệ. Nó gắn liền với sự kiện lịch sử quan trọng và quá trình hình thành, phát triển vùng đất Phú Hội, chứa đựng những tình cảm, tri thức và cả những lời gửi gắm, nhắm nhủ của các thế hệ tiên nhân cho các đời con cháu nối tiếp về sự đoàn kết, tình yêu quê hương đất nước về cội nguồn dân tộc, về đạo lý uống nước nhớ nguồn...

## **2. Giá trị về lịch sử cách mạng:**

**\* Thời kỳ trước cách mạng tháng Tám năm 1945**



Hình thành khá sớm trên vùng đất Phú Hội, đình Phú Mỹ gắn liền với diễn trình phát triển vùng đất này trong suốt các thời kỳ lịch sử. Di tích không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng trong sinh hoạt tinh thần của người dân địa phương mà còn gắn liền với những sự kiện lịch sử chống ngoại xâm.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, phong trào hội kín yêu nước của người dân Long Thành - Biên Hòa phát triển mạnh. Địa bàn Phú Hội là một trong những nơi có tổ chức phong trào Hội kín hoạt động. Các thành viên Hội kín thường sử dụng các miếu, đình trên địa bàn để tập trung sinh hoạt nhằm tránh sự truy lùng của kẻ thù.

Đình Phú Mỹ còn là nơi những thầy đồ tập trung học trò trong làng để dạy học. Theo hồi cố của các bậc cao tuổi, vào năm 1927, thầy giáo Lương Văn Sung mở lớp dạy cho lứa tuổi trẻ em đầu tiên của làng tại đình.

#### ***\* Thời kỳ kháng chiến chống Pháp***

Tại đình Phú Mỹ có những bậc nho gia tìm đến tranh luận và đã diễn ra những cuộc chơi chữ khá lý thú giữa các nhà nho bảo thủ với các nhà nho tiến bộ vào các dịp lễ tiết hàng năm. Năm 1946, vào dịp viết câu đối cúng đình, một số nhà nho bảo thủ đòi viết những câu cổ hủ:

- “Thuận thiên già tòn, nghịch thiên dã vong”

Tạm dịch: Thuận trời ắt còn, nghịch trời ắt mất.

Nhưng các nhà nho tiến bộ đã thắng với câu đối:

- “Thuận nhơn già tòn, nghịch nhơn già vong”

Tạm dịch: Thuận lòng dân ắt còn, nghịch lòng dân ắt mất.

Nội dung câu đối mà các nhà nho tiến bộ của làng muốn gửi một thông điệp đến cho người dân biết rằng, dẫu thực dân Pháp cướp nước và bẻ gãy tay sai bán



nước dù có trang bị vũ khí tối tân, hiện đang thắng thế nhưng kết cuộc tất cả bọn chúng sẽ chuốc lấy thất bại bởi chúng nghịch với lòng dân.

Trong lễ Kỳ yên năm 1946, người dân tham dự rất đông. Đây là lễ Kỳ yên trong tình hình Long Thành - Biên Hòa đã rơi vào tay thực dân Pháp xâm lược sau những ngày độc lập ngắn ngủi. Tham dự lễ Kỳ yên còn có những phần tử làm tay sai cho địch dự lễ để nghe ngóng, nắm tình hình những người theo Việt Minh, báo cho chính quyền tay sai. Trong nghi thức lễ, bác Nguyễn Văn Giảng - Chánh tế đã đồng đọc mở đầu bài văn tế với giọng trầm hùng:

Việt Nam dân chủ cộng hòa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thay cho câu:

“An Nam quốc, Long Thành quận, Phú Hội thôn” theo lệ cúng đình đã duy trì hàng thế kỷ qua.

Trong hoàn cảnh quê hương bị thực dân Pháp xâm chiếm, chính quyền địch theo dõi, lời văn tế với lời xưng như trên chứng tỏ người dân Phú Hội vẫn một lòng hướng về cách mạng, thể hiện chí khí của người dân một đất nước vừa mới giành được độc lập và lòng quyết tâm bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám.

Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, vùng đất Phú Hội được biết đến là một trong những cái nôi của phong trào đấu tranh vệ quốc.

Xã Phú Mỹ và Mỹ Hội những ngày cuối tháng Tám năm 1945 diễn ra trong một không khí sôi nổi. Nhân dân Phú Mỹ, Mỹ Hội tham gia vào nhiều công tác do chính quyền cách mạng khởi xướng. Khi thực dân Pháp gây hấn, tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, người dân Phú Mỹ, Mỹ Hội bước vào một cuộc kháng chiến, tham gia tích cực trong các hoạt động và đóng góp lương thực phục vụ phong trào cách mạng. Ngày 25 tháng 01 năm 1946, quân Pháp với những gọng





kìm từ nhiều hướng tấn công Long Thành. Quân dân Phú Mỹ, Mỹ Hội cùng lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn tổ chức đánh giặc. Thực hiện chủ trương “bắt hợp tác với kẻ thù”, làm cho địch mất chỗ dựa và tránh tổn thất cho đồng bào, người dân Phú Hội dõng sâu vào vùng tự do xây dựng xã, ấp chiến đấu.

Cuối tháng 6 năm 1947, du kích liên thôn 12, cùng du kích Phú Hội bao vây bót Mỹ Hội. Năm 1948, người dân Phú Mỹ, Mỹ Hội tham gia tích cực phong trào “phá đường ngăn giặc”. Địa bàn Phú Mỹ, Xóm Hố vẫn được coi là vùng tự do, địch không kiểm soát được. Cuối năm 1951, Long Thành được chia thành 5 khu. Làng Phú Mỹ, Mỹ Hội và các xã Phước Thiện, Long Tân thuộc Khu II. Trên địa bàn Phú Hội, cán bộ và du kích được sự che chở của người dân đã bám sát nắm tình hình địch và đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, binh vận và kết hợp vũ trang. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, quân dân Phú Hội cũng gánh chịu nhiều đau thương, mất mát và hy sinh nhưng lòng dân vẫn một lòng trung kiên trong trên đường cách mạng, chiến đấu đánh đuổi kẻ thù xâm lược, giải phóng quê hương.

#### ***\* Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)***

Thời kỳ chống Mỹ, Phú Hội là địa bàn trọng điểm trong chính sách bình định của địch, tranh chấp quyết liệt giữa cách mạng và chính quyền địch. Các tổ chức cách mạng vận dụng hình thức gặp gỡ, trao đổi, tuyên truyền, vận động qua các sinh hoạt, cơ sở tín ngưỡng. Đình Phú Mỹ cũng trở thành nơi gặp gỡ, trao đổi về tình hình đất nước, củng cố tinh thần đoàn kết, yêu nước của người dân trong địa phương. Nhân dân xã Phú Hội tham gia với các xã khác tiến hành cuộc biểu tình với quy mô lớn phản đối địch rải chất độc hóa học. Trong đó, có cuộc đấu tranh quy mô lớn do huyện ủy Long Thành, Nhơn Trạch phát động phản đối, lên án cuộc tàn sát đẫm máu đối với người dân vô tội tại Ngã ba Giồng Sắn vào ngày 25/10/1964.



Chính quyền địch tiến hành phân loại xã ấp A, B, C theo thực tế kiểm soát địa bàn. Các xã loại A gồm địa bàn địch có thể làm chủ cả ngày lẫn đêm, các xã loại B địch chỉ làm chủ được ban ngày và một số ấp ban đêm, các xã loại C chỉ làm chủ được ban ngày. Xã Phú Hội được địch xếp vào loại C. Đầu tháng 3 năm 1966, địch tập trung lực lượng xúc tạt đồng bào Phú Hội ra khỏi xã. Địch cho rằng: “Phú Hội là cơ sở của Việt Cộng, lấy xã Phú Hội làm điểm, nếu hốt được 2.000 dân đi nơi khác, hủy diệt vùng này, thì sẽ làm tiếp tục sang một số xã khác”. Địch dùng máy bay, xe tăng, xe bọc thép và lính biệt kích hỗ trợ cho việc xúc tạt dân buộc người dân bỏ ra Vàm Đồng Môn nhưng sau đó nhân dân kéo về lại.

Năm 1969, ở miền Nam, cường độ của cuộc chiến tranh đẩy mạnh. Trải qua cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, dầu khó khăn, gian khổ và cả hy sinh, người dân Phú Hội vẫn một lòng tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Thế nhưng, tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần đã làm thảng thốt người dân Phú Hội.

Ngày sau khi nghe tin Bác mất, nỗi đau quặn thắt trong tim, người người nước mắt đầm đìa lặng lẽ thấp nén hương thương tiếc Bác vô vàn. Trước nỗi đau đó, người dân Long Thành, Nhơn Trạch như chìm trong sự đau đớn đến tột cùng, đã tổ chức để tang tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng nhiều cách. Thế nhưng, chính quyền Sài Gòn đã tìm cách ngăn cản những hoạt động của người dân.

Huyện ủy Long Thành tổ chức một cuộc họp đặc biệt, bất thường chỉ đạo việc để tang Bác. Một kế hoạch cụ thể được triển khai rất gấp rút. Ban Tuyên giáo theo dõi đài ghi lại thành văn bản lời di chúc, lời kêu gọi, điệu vãn... ghi được đến đâu cho đánh máy nhiều bản gửi xuống các xã, đồng thời viết thư mời các đồng chí Bí thư các xã về tổ chức lễ truy điệu. Ngay đêm đó các đồng chí bảo vệ cầm thư xuống các đơn vị. Ban chấp hành phụ nữ Huyện cử người ra ấp Bà Ký gọi mua vải về làm lễ tang. Được biết chị em gọi mua vải để tang Bác, đồng bào nhất định không lấy tiền. Có vải rồi các chị tổ chức may ngày, may đêm cho kịp. Hơn 100



chiếc băng tang nhỏ, phần trên là vải đỏ, dưới là vải đen được may mũi đột khéo như may máy.

Huyện ủy Nhơn Trạch không tổ chức hội nghị được vì lực lượng mới phân tán. Trong lúc rừng Lòng Chảo vẫn ầm ì tiếng bom, đạn của địch, Thường trực Huyện ủy đã chỉ đạo cho các Chi bộ tùy theo hoàn cảnh của từng nơi mà tổ chức lễ truy điệu.

Vào lúc 16 giờ ngày 04 tháng 9 tại căn cứ Cây Cám trên rừng Lòng Chảo, toàn bộ văn phòng Huyện ủy, cơ quan an ninh tổ chức lễ truy điệu Bác. Nghi lễ rất đơn sơ nhưng trang trọng. Dưới lá cờ búa liềm được viền vải tang là một bó bông bằng lăng tím sậm để chính giữa chiếc bàn nhỏ, 18 đồng chí hai cơ quan xếp thành hai hàng đều, hướng mắt về cờ Đảng. Đồng chí Chín Lý đọc lời di chúc của Bác trong tiếng khóc thương của mọi người. Những chiếc băng tang được trao cho mỗi người từ lá cờ mới được cắt ra vì không đột áp mua vải được.

Ở Long Thành ngày 05 tháng 9 tại căn cứ Xã Hoàng, trang trọng trên chiếc bàn kết bằng cây rừng được trải một tấm nilông xanh có ảnh Bác, xung quanh được viền bằng vải đen để chính giữa cờ búa liềm và cờ đỏ sao vàng năm cánh. Trên bàn có một mâm trái cây và bình bông huệ trắng. Đồng chí Bí thư thay mặt thường vụ tổ chức lễ tưởng niệm và phát băng tang, 40 đồng chí nhận băng sứt sùi gài bên ngực trái. Lễ để tang Bác 15 ngày, có đồng chí may luôn vô áo đến khi chiếc áo không còn mặc được nữa. Nhiều đồng chí còn dùng giấy kiếng bọc lại. Hết tang ché cho vào tập sổ hay nhật ký và nhiều đồng chí còn giữ lại được đến ngày nay.

Ở Long Thành - Nhơn Trạch, nhiều nhà dân thấp nhang tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên chiếc xe lam chạy tuyến Đại Phước - Long Thành có 12 người ngồi thì 10 người có băng tang. Lực lượng cảnh sát chi khu Nhơn Trạch định bắt những người đeo tang nhưng tên Long, Quận trưởng nói “Bắt thì được nhưng nhà tù đâu mà nhốt, chỉ nhìn ai có băng đen ai cũng hiểu được lòng họ”.



Đồng bào thị trấn Long Thành dùng vải trắng may trong ve áo để tang Bác. Trong nỗi thương nhớ Bác vô tận, đồng bào dân tộc Chơ-ro ập Thái Thiện (Phước Thái) đã lấy khăn dù kết lại thành một chiếc đài liệt sĩ ngay ở bến Cây Me cách bót cầu sắt gần một cây số và tổ chức lễ truy điệu với hơn 500 quần chúng kéo dài cả tiếng đồng hồ.

Người dân Phú Hội trong đó có bác Nguyễn Văn Phường và bác Nguyễn Văn Liệp, đêm nào hai bác cũng không sao ngủ được, lặng lẽ thấp hương hướng ra phía Bắc cầu khẩn rồi trầm tư: Bác ơi! Dẫu biết trước mà sao vẫn bất ngờ, đau buốt trong tim. Bác như vị minh quân được toàn dân tin tưởng, đường lối cách mạng của người là kim chỉ nam cho toàn dân đánh thắng giặc Tây. Giờ đây nhân dân miền Nam chúng con quyết tâm nghe theo Bác tiếp tục cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước cho đến ngày toàn thắng, để thỏa lòng Bác mong. Nay Bác đã ra đi... Liên tiếp nhiều đêm sau khi Bác mất, bác Nguyễn Văn Phường, bác Nguyễn Văn Liệp suy nghĩ làm gì để công đức của Người ai ai cũng được dâng hương tưởng nhớ, noi theo. Một ý nghĩ chợt lóe lên: Đình làng đang có nhiều bức hoành phi lâu ngày bị mối mọt xâm hại, nay đặt chuyện làm mới lại chắc ai cũng chịu. Sau bao đêm miệt mài suy nghĩ, cân nhắc lựa chọn từ trong hàng ngàn câu Kinh thi, hai bác chọn ba câu đúng với nội dung mình mong muốn:

Hồ nhiên nhi thiên

Chí vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức

Có thể hiểu là: Công ơn của Người lồng lộng như trời cao, đức của Người còn lưu mãi muôn đời.

Rồi cũng chính bác Nguyễn Văn Phường, Nguyễn Văn Liệp và các bô lão trong làng vận động quyên góp tiền bạc trong dân để làm nên ba bức hoành phi nền



đỏ chữ vàng. Đỏ cũng chính là màu cờ tổ quốc. Đặc biệt, ba chữ đầu ghép lại thành tên Người - Hồ Chí Minh mà đọc lên ai cũng hiểu.

Một khó khăn nữa cần phải vượt qua, đại đội lính bảo an đóng cách đình khoảng 200m. Chúng thường xuyên vào đình trú nắng, trú mưa, rồi bọn tè điệp trong làng nhan nhản, chỉ cần một sơ hở thông tin là chúng biết được hoành phi ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh thì sẽ bắt bớ, ngăn cản, giam tù.

Lễ Kỳ yên (Cầu an) trong năm 1969 được bộ lão địa phương bàn bạc kỹ lưỡng lễ cầu siêu rước linh Bác vào trong đình thờ phụng bằng ba bức hoành phi đặt ở ba vị trí trang trọng trong đình mà lính địch không hề phát hiện.

Từ ngày 16 tháng 11 năm 1970, nhiều năm trời trong chế độ bị kìm kẹp, kiểm soát của địch nhưng đình Phú Mỹ vẫn tồn tại ba bức hoành phi ca tụng Bác Hồ chứng tỏ một nghĩa cử thiêng liêng, tấm lòng của người dân Phú Hội, Đồng Nai với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ba bức hoành phi ca ngợi chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một giá trị lịch sử đích thực mang tính giáo dục cao và đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân Phú Hội. Đây cũng là cách thờ Bác Hồ độc đáo của các cơ sở tín ngưỡng ở Đồng Nai trong thời kỳ đất nước còn chiến tranh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, quân dân Phú Hội đã có những đóng góp to lớn cho phong trào cách mạng. Từ mặt trận tiền tuyến đến các vùng hậu phương; từ đội thiếu niên Tiền phong cho đến các tổ chức đoàn thể cứu nước tham gia trong Mặt trận Việt Minh; từ các chiến sĩ xung pha nơi chiến trận đến các vị bộ lão địa phương đâu đâu cũng thấy phong trào đấu tranh sôi sục, lòng yêu nước và tinh thần quả cảm của nhân dân Phú Hội. Hòa cùng với lịch sử hào hùng của dân tộc, đình Phú Mỹ đã ghi dấu những sự kiện lịch sử yêu nước, đấu tranh cách mạng của nhân dân Phú Hội.





### 3. Giá trị về kiến trúc nghệ thuật:

#### \* Tổng quan về đình Phú Mỹ



*Đường vào di tích đình Phú Mỹ*

Đình Phú Mỹ nằm trên ngọn đồi có diện tích 7.358m<sup>2</sup> thuộc ấp Phú Mỹ II, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch. Khuôn viên đất bằng phẳng, xung quanh đình có nhiều cây dầu, cây sao, cây đa... to lớn, tán lá tỏa bóng mát quanh năm tạo nên phong cảnh hữu tình. Sự hiện diện của đình Phú Mỹ dưới những tán lá của nhiều cây cổ thụ làm tăng thêm vẻ cổ kính, linh thiêng của một cơ sở tín ngưỡng được khởi dựng một thời ở chốn rừng xanh. Tổng thể kiến trúc đình Phú Mỹ trong khung cảnh của rừng cây cao, trên ngọn đồi như vút hẳn lên với bình diện chung của địa thế xã Phú Hội. Từ phạm vi của đình Phú Mỹ có thể phóng tầm nhìn ra chung quanh dấu cảnh quan đã “vật đổi sao dời” qua năm tháng. Địa cảnh phong quang của ngọn đồi này là yếu tố mà người dân làng Phú Hội xưa đã chọn để dịch chuyển ngôi đình của làng về đây. Gần hai thế kỷ qua, với thời gian đầy biến động của lịch sử qua các giai đoạn mà vùng đất Phú Hội đã gánh chịu trong điều kiện chiến tranh,



tàn phá của thời gian, tự nhiên... đình Phú Mỹ vẫn hiện diện, tồn tại nơi địa điểm được chọn từ năm 1832 là một minh chứng cho sự sống mãnh liệt, niềm tin vào sự phát triển trường tồn, khát khao về bình yên mà người dân Phú Hội đã chọn cho chính cộng đồng.

Có ý kiến lý giải rằng, toàn bộ cảnh quan, địa thế, kiến trúc đình Phú Mỹ thể hiện triết lý tự tại phản ánh tư tưởng hòa hợp với thiên nhiên của cộng đồng người Việt nói chung, của người dân Phú Hội nói riêng. Ngọn đồi cao, những cây cổ thụ xung quanh đình vươn thẳng lên là trục nối tràn đầy sức sống giữa trời và đất.



*Cây cổ thụ trong khuôn viên di tích*

Theo truyền thống, trên cuộc đất rộng thì ngôi đình bố trí theo thứ tự như: Cổng đình, bình phong, võ ca, chánh điện, nhà hội, nhà trù cùng các thành tố kiến trúc khác bố trí chung quanh. Thế nhưng, đây không phải là quy định bó buộc chung cho tất cả các ngôi đình. Trong quá trình phát triển, trải nhiều thời cuộc, biến



động xã hội, hầu hết các ngôi đình ở Biên Hòa - Đồng Nai liên tục được trùng tu, tôn tạo. Lịch sử hình thành của đình Phú Mỹ cũng không ngoài quy luật đó. Vì vậy, những thành tố kiến trúc của đình Phú Mỹ là những sự tiếp nối, bổ sung trong các giai đoạn về sau để làm nên một chỉnh thể như hiện tại.

**\* Các thành tố trong phạm vi di tích**

**+ Cổng đình**

Trước đây, đình Phú Mỹ không có cổng và hàng rào bảo vệ. Đình tọa lạc như một không gian mở giữa khu dân cư của cộng đồng địa phương. Đình Phú Mỹ hiện nay có hai cổng: Cổng chính và cổng phụ. Cổng chính theo kiểu thức Tam quan, gồm ba cửa: cửa chính rộng, hai bên có hai cửa nhỏ. Trụ cổng được xây bằng gạch và ốp đá. Cửa bằng sắt khá kiên cố nhưng thông thoáng. Trên nóc mái cổng trang trí tượng gồm “Lưỡng long triều pháp” biểu trưng cho sự hoà hợp, sinh sôi và phát triển. Trên cổng đắp nổi “Đình Phú Mỹ” bằng văn tự chữ Hán.

Trụ cổng chính có cặp câu đối thể hiện bằng chữ Hán, ca ngợi về sự phồn thịnh, sự an bình trong cuộc sống, niềm vui hưởng của nghề nghiệp, sung túc của người dân địa phương. Hai chữ đầu của mỗi câu ghép là tên gọi về làng, ấp, đình Phú Mỹ.

Phiên âm:

Phú cảnh trùng hưng bá tánh đắc an cư lạc nghiệp

Mỹ hương tái kiến nhất thôn cộng hưởng lộc vinh hoa.

Dịch nghĩa:

Cảnh Phú Mỹ phồn thịnh trăm họ được an cư lạc nghiệp

Làng Phú Mỹ tái lập cả thôn cùng hưởng lộc vinh hoa.



Cổng phụ nằm về phía sau, hướng đông của đình Phú Mỹ. Cổng được xây đơn giản bằng trụ gạch và cửa sắt, trên đầu mỗi trụ có gắn tượng kỳ lân nhỏ bằng gốm. Biểu trưng của tượng gồm kỳ lân nơi cửa vào là kiểm soát nhắc nhở con người khi vào nơi thờ tự chú ý giữ tâm của mình cho thanh tịnh, trong sạch.



*Cổng phụ và hệ thống tường rào của di tích*

Cổng chính và cổng phụ được nối với nhau bởi hệ thống tường xây bao quanh có chiều cao 1,40 m bao bọc đình.

#### **+ Nhà Võ (Nhà thờ Tiên sư)**

Nhà Võ được xây dựng năm 2012. Trước đây, nhà Võ của làng Phú Mỹ ở phía dưới chân đồi về sau dân làng quyết định xây nhà Võ mới thay thế nhà Võ cũ, dịch chuyển vào trong phạm vi đất của đình.

Nhà Võ được xây dựng bằng vật liệu kiên cố, mái lợp tôn giả ngói, bên trong bài trí đơn giản gồm một ban thờ, có lư hương và bình bông.





*Nhà Võ*

**+ Bình phong**

Trong bố cục truyền thống của đình làng Nam Bộ, hầu hết các ngôi đình đều có bức bình phong án ngữ phía trước. Theo một số nhà nghiên cứu, bình phong là một dạng bùa trấn biểu thị cho việc giữ gìn, bảo vệ “cuộc đất” tôn nghiêm của đình thờ Thần của làng xã được nghiêm ngặt.







Bình phong được xây dựng bằng vật liệu kiên cố có kích thước chiều dài 2,5m, chiều ngang 1,5m. Phần chân đế được xây dựng bằng đá tổ ong, hai bên bức bình phong có hai trụ cột, trên đầu cột đặt hai tượng lân cùng chầu vào phía trong đình. Mặt trước của bức bình phong được đắp nổi một Hồ thần, trong tư thế dũng mãnh mắt nhìn về phía trước, hai nanh nơi khoe miệng như đang phô diễn sức mạnh, chân trước và chân sau cơ bắp rắn chắc, hai xoáy cuộn tròn. Theo các vị bô lão ở Phú Hội, Hồ vàng trong bức bình phong là biểu tượng cho vị thần cai quản đất đai của đình, trấn giữ không cho thế lực xấu xâm phạm vào nơi thờ Thần hoàng.

Mặt sau bình phong, đắp nổi hình Lân mã trong tư thế bay lên. Hình ảnh này theo tín niệm lân bay lên gắn với trục tung (thời gian), còn mã là ngựa, chạy ngang, gắn với trục hoành (không gian). Cho nên lân mã tượng trưng cho ý thức tung hoành của người quân tử và thời gian, không gian vũ trụ. Đồng thời đây cũng là biểu tượng phản ánh ước vọng điều cao đẹp của người dân, hạnh phúc đến cho làng xóm.

#### + *Đàn thờ Thần Nông*

Đàn thờ Thần Nông được xây dựng khá đơn giản bằng vật liệu kiên cố như: gạch, xi măng, cát, đá... Thần Nông là “vị thần phù hộ cho nông dân được thuận lợi, bội thu. Theo truyền thuyết, Thần Nông đã dạy cho dân trồng trọt và cũng từng nghĩ ra kiểu nhà nóc bằng (bằng vật liệu thô sơ) để con người





tránh mưa tránh nắng”<sup>4</sup>. Người dân Phú Hội thờ Thần Nông với niềm tin chính vị thần này phù hộ cho dân làng có sức khỏe mà lao động, cho khí hậu điều hòa, thuận lợi cho việc làm nông, cho cây cối tươi tốt, mùa màng thu hoạch được kết quả.

#### + *Đàn thờ Chiến sĩ trận vong*

Đàn thờ được xây dựng đơn giản bằng vật liệu kiên cố như: gạch, cát, đá, xi măng. Lần tu bổ gần đây nhất là vào năm 2013. Đối tượng thờ là những chiến sỹ trận vong qua các thời kỳ. Đàn thờ có bia, nội dung trên bia với dòng chữ “vì nước quên mình”. Hai bên bia có hai trụ đối xứng, trên trụ khắc câu đối ca ngợi sự hy sinh anh dũng của những con người đại nghĩa. Nội dung câu đối:

“Tận tâm vì nước trung thành

Tận lực vì dân dũng chí”



Câu đối được viết hai mặt, mặt trước chữ Hán, mặt sau chữ quốc ngữ. Trong các dịp lễ tại đình, Ban Quý tế và người dân đến lập đàn dâng hương, cúng thí cầu xin linh hồn các chiến sỹ trận vong không quấy nhiễu, gây hại cho dân làng.

#### + *Miếu thờ Ngũ Hành*

<sup>4</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả (Bảo tàng Đồng Nai). *Cù Lao Phố Lịch sử và Văn hóa*. NXB Đồng Nai 1998.



Miếu thờ Ngũ Hành ban đầu được làm bằng gỗ. Năm 1958, được xây lại bằng vật liệu kiên cố như: gạch, cát, đá, xi măng. Mái được lợp bằng ngói, diện tích  $4m^2$  ( $2m \times 2m$ ). Có một cửa vòm, không có khung cửa và cánh cửa. Bên trong là một bàn thờ, bức tường phía sau bàn thờ có dòng chữ: Ngũ Hành chi vị. Trên bàn thờ có lư hương, bình bông, một bức tranh kính hình ảnh những vị Ngũ Hành.



Ngũ Hành là biểu tượng cho 5 yếu tố cơ bản tạo nên vũ trụ; gồm: Kim (chất kim loại), Mộc (cây gỗ), Thủy (chất nước), Hỏa (chất lửa), Thổ (chất Đất). Theo Dịch lý, sự vận hành của các chất cơ bản này đã sản sinh ra vạn vật. Tính chất sinh sản là biểu tượng của nữ giới - nên dân gian tín niệm là các nữ thần: Ngũ hành Nương Nương hay Năm Bà Ngũ Hành. Và các vị thần này liên quan đến tất cả các nghề nghiệp mà con người làm để sinh sống.

#### + *Miếu thờ Sơn quân*

Miếu Sơn quân được xây dựng cùng thời với miếu Ngũ Hành. Ban đầu được làm bằng gỗ về sau được xây dựng bằng vật liệu kiên cố: gạch, cát, đá, xi măng. Sơn quân là tước vị dành cho vị chúa tể đứng đầu một vùng rừng núi mà cụ thể ở



đây là rừng Phú Hội. Sơn quân chính là thần HỔ, ở các đình làng khác có miếu thờ thần HỔ. Sơn quân là một cách gọi dân dã bằng chữ Hán.



Thời khai khẩn, thú giữ trong đó Cọp là một thế lực đáng sợ luôn uy hiếp con người, không ít người đã bị Cọp ăn thịt. Với mong muốn được yên ổn, làm ăn nơi đất mới. Người dân tín nhiệm, tôn Cọp lên hàng thần linh, thờ cúng để vị chúa Sơn quân (chủ rừng) cho họ được sống yên ổn, làm ăn sung túc, phát đạt trên vùng đất mới.

Bên trong được bài trí một bàn thờ, trên bàn thờ có lư hương, bình bông. Trong miếu có hàng chữ “Sơn quân chi Thần”. Đặc biệt, trong miếu có một số tranh kính thể hiện các vị thần “dân gian” do người dân mang tới cúng.

#### **\* Trung tâm kiến trúc đình Phú Mỹ**

Quần thể kiến trúc đình Phú Mỹ gồm Tiền đình, Chánh điện và Nhà khách. Từ trên cao nhìn xuống, trục chính của di tích được bố trí như một nét sổ trên bình diện của mặt bằng đình đòi di tích đang tọa lạc. Mặt tiền nhìn về hướng Tây, phía trước là sông Đồng Môn.





+ **Tiền đình**

Bộ khung kiến trúc Tiền đình làm bằng gỗ với kiểu thức kiến trúc ba gian hai chái, hai mái. Nền lát gạch Tàu, xung quanh không tường bao. Tiền đình là cách gọi phân chia các thành phần kiến trúc chung của một ngôi đình. Tiền đình có nơi còn gọi là Thảo bặt hay Võ quy.



Tiền đình có diện tích 73,75 m<sup>2</sup>, (chiều dài 12,5 m, chiều rộng 5,9m). Mái lợp ngói. Trên bờ nóc được trang trí “Lưỡng long tranh châu” bằng gốm men xanh. Nền cao khoảng 80 cm so với mặt sân, kết cấu bốn hàng gồm 16 cột gỗ căm xe đường kính 30 cm. Phía dưới các chân cột được kê trên chân tảng bằng đá xanh. Hệ thống xiên trính theo kiểu “vỏ đậu đùi ếch” để liên kết cột cái và cột quân với nhau, đồng thời kết hợp với cột chống ở giữa kiểu bình nước, kèo hạ đỡ mái ngói lên cao và mở về hai phía. Bộ khung sườn kiến trúc đều được gắn kết theo kiểu ghép mộng, chót.





*Hệ thống khung vì kèo*

So với những ngôi đình ở Biên Hòa, bộ khung vì kèo trong đình Phú Mỹ ít chạm trổ hơn và khá đơn giản. Sự đơn giản mộc mạc đó xuất phát từ tư tưởng dân dã của người nông dân với sống bằng nghề nông nghiệp. Hệ thống hoành phi, liễn đối được viết bằng chữ Hán, sơn son thếp vàng, đường diềm xung quanh chạm khắc tỉ mỉ với các đề tài: Lưỡng long triều dương (hai con rồng châu mặt trời), rồng cuốn mây, doi ngậm tiền... nội dung của các tác phẩm là ca tụng, bày tỏ lòng biết ơn thần linh và trọng lễ nghĩa, đạo đức truyền thống của dân tộc.



*Không gian Tiên đình*

***Nội dung hoành phi:***

- “Phổ trách diêm cư”

Dịch nghĩa: Ở thần ban khắp dân gian.

- “Ẩn hiện linh cơ”

Dịch nghĩa: Linh cơ khi ẩn khi hiện.

- “Hải vũ thanh điềm”

Dịch nghĩa: Bờ cõi núi sông yên lặng.

- “Đức thạnh tý dân”

Dịch nghĩa: Ân huệ lớn giúp dân.

- “Thánh đức bao la”

Dịch nghĩa: Đức thánh rộng rãi khắp cả.

- “Thiên địa chí công”



Dịch nghĩa: Trời đất rất công bình.

Đặc biệt, trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vùng lòng chảo Nhơn Trạch là một địa điểm diễn ra chiến sự ác liệt. Nhưng khi hay tin Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, để bày tỏ lòng kính yêu, nhân dân xã Phú Mỹ đã rước vong linh Bác vào thờ trong đình dưới hình thức ba bức hoành phi nền đỏ, chữ vàng, viết bằng chữ Hán, treo trang trọng nơi Tiền đình. Đây là ba câu được rút ra từ trong Kinh thi có nội dung:

Hồ nhiên nhi thiên

Chí vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức





Ba chữ đầu của ba bức hoành phi ghép lại thành tên của Người là: Hồ Chí Minh. Đó là hành động dũng cảm và trí tuệ thể hiện lòng biết ơn Bác Hồ của nhân dân Phú Mỹ trong thời kỳ địa phương bị kìm kẹp bởi chế độ Mỹ - Ngụy.

***Nội dung các cặp liên đối:***

- Cặp liên thứ nhất:

Thánh thể quang minh khánh trạch phong điều vũ thuận

Thần công hạo đảng hòa bình quốc thái dân an.

Dịch nghĩa

- Đức của thánh sáng soi xuống phước nhuận được gió hòa mưa thuận

Công của thần rộng lớn giúp cho hòa bình nước mạnh dân an.

- Cặp liên thứ hai:

Hộ quốc tỵ dân thiên cổ anh linh như tại

An nhơn lợi vật vạn niên tú khí thường lâm.

Dịch nghĩa

Bảo hộ cho nước che chở cho dân ngàn đời anh linh không dứt

Ổn định cho người ích lợi cho vật muôn năm dịp tốt đến luôn.

- Cặp liên thứ ba:



Bảo hộ thiên dân hoán nhĩ thiên thu an vũ trụ

Nguy nga miếu mạo nghiêm nhiên vạn cổ hiển uy linh.

Dịch nghĩa

Bảo hộ dân gian rực rỡ ngàn thu yên bờ cõi

Miếu cao vời vợi nghiêm trang muôn thuở rạng uy linh.

- Cặp liễn thứ tư:

- Cảnh hoạn nạn tai kích kích anh linh chiếu như nguyệt

Gián tường tích phước nguy nguy hậu trạch bái càn khôn

Dịch nghĩa

Ngăn cản tai ương rạng rỡ anh linh dường như nguyệt

Ban lành xuống phước ơn nhuần rộng lớn tợ đất trời

- Cặp liễn thứ năm:

Cảnh phục xuân hòa lệ tửu truyền cảm ca thánh đức

Dân an vật phục xi sinh tấu cổ như thần hựu

Dịch nghĩa

Phong cảnh xuân tươi thiết tiệc vui mừng ca đức thánh

Dân an nhiều của thổi kèn trời nhạc rước ơn Thần

+ **Chánh điện**

Chánh điện ở vị trí trung tâm của ngôi đình (phía sau Tiền đình và phía trước Nhà khách) có diện tích 122,50m<sup>2</sup> (12,5m x 9,8m) là nơi thờ Thần Thành hoàng Bổn cảnh và các thuộc hạ của thần nên không gian kiến trúc và bài trí đồ thờ cúng có những nét đặc trưng riêng.





*Mặt bên hông Chánh điện*

Kiểu thức kiến trúc dạng nhà ba gian, hai chái theo lối kiến trúc truyền thống của đình làng Nam Bộ dạng nhà tứ trụ với hệ thống xuyên trính chạy trên bốn cột cái và các vì kèo đỡ mái, cột cái nối với cột quân, cột hiên là những kẻ suốt. Từ cột hiên ra cột bên ngoài bằng những kẻ chuyền nối nhau đỡ mái, tạo ra không gian nội thất vuông vức. Cấu kiện kiến trúc được làm bằng các danh mộc quý như gỗ, sao, căm xe, dầu.... Bờ nóc trang trí “lưỡng long triều dương” bằng gổm men xanh biểu trưng cho âm dương hòa hợp thể hiện khát vọng cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu... Đầu mái trang trí tượng gổm “cá chép hóa rồng” bằng gổm men xanh biểu trưng cho sự phát triển của tạo hóa, sự sung túc về tài lộc, ước mong về sự thành đạt. Bờ nóc và bờ chái trang trí hoa văn hình “mây” xoắn biểu trưng cho lực lượng tự nhiên (mây, mưa, sấm, chớp). Chánh điện được bao bọc bởi ba bức



tường ở hai bên và phía sau, các bức tường này đều không có cửa sổ đón ánh sáng khiến cho không gian bên trong trở nên thâm nghiêm, huyền bí.



*Trang trí trên nóc đình Phú Mỹ*

Cũng như các đình khác ở Nam Bộ, Chánh điện là nơi trang nghiêm nhất thờ Thần Thành hoàng Bốn cảnh. Hằng năm, lễ tế thần được tổ chức vào ngày 15, 16 tháng 11 âm lịch để cầu cho “Quốc thái dân an”, “Phong điều vũ thuận”, “Phong đăng hòa cốc”. Thần Thành hoàng không phải là “thiên thần” hay “nhân thần” do vậy hình thức thờ Thần Thành hoàng được thể hiện bằng một chữ Thần “văn tự chữ Hán”. Trên khám thờ thần có bức hoành phi “Hộ quốc tỵ dân” với ý nghĩa bảo hộ cho nước, che chở cho dân. Hai bên khám thờ có cặp liễn đối, nội dung ca ngợi Thần thành hoàng “văn tự chữ Hán”.



*Khám thờ Thần*

Trong không gian Chánh điện, ngoài đối tượng thờ chính là Thần Thành hoàng còn thờ các vị thần linh có công trợ giúp dân làng khai khẩn vùng đất mới (bàn thờ Tả ban, Hữu ban), thờ Bạch mã thái giám (tượng trưng cho thể lực trên trời), Ngũ cốc, Ngũ thổ (tượng trưng cho thể lực dưới đất).



*Một góc không gian thờ tự trong Chánh điện*





Phía trước ban thờ thần là bàn thờ Hội đồng (đề Đinh Tỵ niên, tức làm năm 1927), ban thờ được chạm khắc tinh xảo các biểu tượng thiêng liêng như mặt Hồ thể hiện uy lực, sức mạnh; hoa quả thiêng cầu sinh sôi, phát triển; tùng, cúc, trúc, mai ứng với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông với người quân tử...



*Các họa tiết trang trí trong Chánh điện*

Phía trước bàn thờ Hội đồng là bàn thờ Bác Hồ. Tượng Bác được đúc bằng đồng do Bộ tư lệnh lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng. Đối xứng hai bên bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền là bàn thờ Tiền hương trưởng liệt vị (bên trái) tức là người có công đầu đối với làng và Hương trưởng liệt vị (bên phải).



*Tượng thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Chánh điện*

Hệ thống hoành phi, liễn đối trong Chánh điện được chạm khắc tinh tế, sơn son thếp vàng.

***Nội dung các hoành phi trong Chánh điện:***

- “Ngưỡng chi di cao”

Dịch nghĩa: Ngửa mong vượt lên cao

- “Son xuyên đục tú”

Dịch nghĩa: Núi sông xinh đẹp.

- “Phước tạo thị nhân”

Dịch nghĩa: Phước do người tạo nên.

- “Thần linh cảm ứng”

Dịch nghĩa: Thần linh cảm động lòng thành của dân mà ứng hiện).

- “Thần minh ứng chí”

Dịch nghĩa: Thần linh rất sáng suốt.





- “Duy hoài vĩnh hoàn”

Dịch nghĩa; Tường mền cảnh địa bền lâu.

- “Nghiêm nhược tư”

Dịch nghĩa: Dáng nghiêm trang như còn nghĩ việc gì...

*Nội dung các cặp liễn đối:*



*Một số liễn đối bằng chữ Hán trong Chánh điện*

- Cặp liễn thứ nhất:

Trạc trạc quyết linh chiêu vũ trụ

Dương dương bờ thượng trần càn khôn

Dịch nghĩa

Trong sáng hiển linh chiếu soi toàn vũ trụ

Khí mạnh bên trên trần giữ cả đất trời



- Cặp liền thứ hai:

Yên phát thanh hương hoàn ngọc vũ

Huê doanh xuân sắc viễn quỳnh lâu.

Dịch nghĩa

Nén hương tỏa khói khắp cả cung ngọc vũ

Vẻ đẹp hoa xuân đến tận điện quỳnh lâu.

- Cặp liền thứ ba:

Hương sanh yên lý tường vân hiệp

Huê phát đặng tiền thoại sắc minh.

Dịch nghĩa

Làn khói sinh ra từ trong nén hương như đám mây lành hợp lại

Những đóa hoa đang nở trước ánh đèn tỏa ra màu sáng đẹp tươi.

- Cặp liền thứ tư:

Hích hích anh linh chánh khí dương vũ trụ

Dương dương thanh đức hùng uy chấn sơn hà.

Dịch nghĩa

Lừng lẫy linh thiên khí mạnh nên vũ trụ

Bao la đức lớn uy hùng dậy núi sông.

- Cặp liền thứ năm:

Trạc trạc quyết linh chiêu vũ trụ

Dương dương hồ thương trần càn khôn.

Dịch nghĩa



Trong sáng hiển linh chiếu soi toàn vũ trụ

Khí mạnh bên trên trấn giữ cả đất trời.

+ *Nhà khách*



Nhà khách ở vị trí sau Chánh điện, có tổng diện tích 221m<sup>2</sup> (12,5m x 9,6m), được kết cấu đơn giản không tường bao theo lối kiến trúc ba gian hai chái, hệ thống cột, vì kèo kết nối bằng kỹ thuật mộng chốt. Nơi đây thờ “Tiên sư chi vị” tức thờ những vị tổ tiên chung của mọi người dân trong làng. Không gian Nhà khách khá rộng và thông thoáng, không trang trí các họa tiết hoa văn mà chỉ bài trí một số hoành phi, liễn đối bằng gỗ, văn tự chữ Hán.

***Nội dung các hoành phi:***

- Hoành phi thứ nhất: “Sơn hà chánh khí”

Dịch nghĩa: Non sông vững mạnh.

- Hoành phi thứ hai: “Đức phối càn khôn”

Dịch nghĩa: Đức của thần sánh như trời đất.



- Hoàn phi thứ ba: “An chánh trực”

Dịch nghĩa: Bình an ngay thẳng.

**Nội dung các liễn đối:**

- Cặp liễn thứ nhất:

Tạ chức cầu an cung kính thừa hành chánh đạo

Đông sơn cao ngọa hương thôn cộng trí trung hòa.

Dịch nghĩa

Từ việc cầu an kính trọng làm theo đạo chính

Thảnh thơi ở ẩn cùng xóm làng chung hợp hòa vui.

- Cặp liễn thứ hai:

Phú thứ cử hiếu liêm chí đại giáo nhưn sanh lễ nghĩa

Hội hàm do học vấn minh tâm kiến quốc tạo cơ đồ.

Dịch nghĩa

Phát huy nhiều lòng thảo ngay chí lớn dạy người sanh lễ nghĩa

Hội thánh nhớ sự học vấn sửa sang dựng nước tạo cơ đồ.

+ **Nhà bếp**

Nhà bếp (Nhà trù) theo kiểu nhà ba gian hai chái đơn giản, không tường bao. Nhà bếp được sử dụng làm nơi sửa soạn lễ vật chuẩn bị cho các nghi cúng trong các dịp lễ tết.

Mặc dù kiến trúc từng bộ phận được bố trí có quy mô khác nhau, song nhìn tổng thể đình Phú Mỹ là một quần thể công trình kiến trúc hài hòa. Theo Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Huỳnh Ngọc Trảng trong kịch bản phim tư liệu “Đồng Nai danh lam cổ tự” đã viết: “Đình Phú Mỹ là một trong những ngôi đình



còn sót lại ở Đồng Nai tiêu biểu cho tính chất chuẩn mực quy mô và kiểu thức một ngôi đình làng nông thôn ở miền Đông Nam Bộ”.



#### 4. Giá trị về tín ngưỡng thờ cúng - lễ hội

##### \* Đối tượng thờ cúng trong di tích

##### + *Thần Thành hoàng*

Đình Phú Mỹ là một thiết chế tín ngưỡng dân gian, ban đầu vốn là ngôi miếu nhỏ về sau được xây dựng với quy mô lớn nâng lên thành đình thờ Thần Thành hoàng bản cảnh. Thần Thành hoàng là vị thần trông coi, bảo vệ thành lũy. Đình Phú Mỹ cũng mang đặc điểm chung với phần lớn các ngôi đình ở Biên Hòa - Đồng Nai, được thành lập sớm từ khi vùng đất này được khai khẩn, tổ chức làng xã mang tính chất nông thôn. Trong làng xã của người Việt ở Biên Hòa, người dân của làng xã có đình hiểu là thờ vị thần bảo vệ của làng. Tên gọi chung nhất mà người dân địa phương gọi là Thành hoàng Bản cảnh hoặc Thần làng với cách gọi dân gian cung kính là Ông, Đức Ông, Ngài. Ngay cả cách xưng hô, tên gọi Thành hoàng





nhân dân ta “mượn cái tên nhưng nội dung hoàn toàn khác. Đó chỉ là lấy áo chữ nghĩa để trùm lên tín ngưỡng bản địa của mình”<sup>5</sup>.

Theo quan niệm của người dân, vị thần được dân làng tôn thờ vì là thần linh thương dân, bảo vệ cuộc sống bình yên của dân làng, làm cho mưa gió thuận hòa, mùa màng tốt tươi... Thần ban phước cho ai sống tốt, thành kính, tin thần như: Ban cho gặp những điều may mắn, cứu ra khỏi những lúc khôn nguy, lâm nạn... và cũng sẵn sàng quở trách, hình phạt với những ai sống không ngay thẳng, thật thà, không tôn kính thần khiến cho bệnh tật, làm ăn không được phát triển, lâm vào hiểm nguy... tựu chung, tín ngưỡng thờ thần làng là một vị thần linh, phúc thần công chính, hiền linh.

Theo Điển sử lệ của nhà Nguyễn thì Thần Thành hoàng được phân thành ba bậc: Cao nhất là Thần Thành hoàng ở kinh đô, thấp hơn là Thần Thành hoàng tỉnh thành, phủ huyện, cuối cùng ở cấp xã/ thôn có Thần Thành hoàng Bản cảnh. Thần Thành hoàng Bản cảnh là chức danh do vua ban - vị thần chủ tể trên cõi thiêng của thôn làng. Ở Nam Bộ, trong rất nhiều trường hợp, Thần Thành hoàng không có lai lịch cụ thể, mà chỉ là mỹ tự do các triều đình phong kiến phong tặng. Do vậy, đa phần đình Nam Bộ không thờ tượng mà chỉ thờ một chữ "Thần" văn tự chữ Hán<sup>6</sup>.

Trong đình Phú Mỹ, thần Thành Hoàng Bản cảnh được thờ ở Chánh điện. Theo các bô lão làng Phú Hội<sup>7</sup>, đình Phú Mỹ trước đây có sắc phong nhưng do chiến tranh nên sắc thất lạc hay bị cháy. Sắc phong hay sắc thần là một cách gọi về

<sup>5</sup> Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (1998). *Làng Bến cá xưa và nay*, NXB Đồng Nai.

<sup>6</sup> Nguyễn Xuân Hồng. *Đình làng Nam Bộ - dấu ấn về nguồn*. *Tạp san Thông tin Khoa học*, số 2 (32)/2012. Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>7</sup> Theo ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1932 và ông Nguyễn Văn Ngọc, sinh năm 1930, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.



một loại văn bản do vua ban ra lấy danh nghĩa công nhận hoặc gia phong tước hiệu cho vị thần được thờ.

Về sắc phong cho Thần Thành hoàng, có một số tư liệu cho biết thêm: Từ thời nhà Trần, đặc biệt thời nhà Lê, có nhiều đợt nhà vua sắc phong cho các vị thần trong cả nước. Lưu ý, lúc bấy giờ, Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung chưa thuộc quyền cai trị của thể chế đương thời. Hầu hết, các Thần Thành hoàng ở Đồng Nai - Nam Bộ được phong từ thời nhà Nguyễn. Lịch sử hình thành đình Phú Mỹ cho thấy, đình này được hình thành từ đầu thế kỷ XIX. Vì vậy, nếu có sắc phong thì cũng khá muộn về sau.

#### **+ *Tả ban, Hữu ban***

Tại Chánh điện hai bên bàn thờ Thần là bàn thờ Tả ban và Hữu ban. Tính từ Chánh điện nhìn ra, bên trái là bàn thờ Tả ban liệt vị, bên phải là Hữu ban liệt vị (văn tự chữ Hán). Tả ban, Hữu ban là thuộc hạ và có chức năng hộ vệ Thần Thành hoàng. Tên gọi Tả ban, Hữu ban liệt vị thể hiện về ý niệm chứ không nêu danh tánh cụ thể là những vị thần nào. “Tả ban, Hữu ban được hiểu là những vị có nhiệm vụ túc trực để bảo vệ thần linh, bởi Tả ban và Hữu ban là hai quân hiệu thuộc cấm (tức là quân đội nơi cung cấm, bảo vệ triều đình)”<sup>8</sup>.

#### **+ *Tiền hiền, Hậu hiền***

Tiền hiền, Hậu hiền được thờ trang trọng tại Hậu đình. Tiền hiền, Hậu hiền là những người có công lập làng, lập đình trên nhiều phương diện lúc còn sống. Sau khi mất đi, ghi nhớ công ơn, uy tín, đạo đức mà người dân địa phương thờ trong đình. Dưới các bậc Tiền hiền, Hậu hiền là những người Tiền bối, Hậu bối có công.

---

<sup>8</sup> Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ tín ngưỡng và nghi lễ*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, tr 64.



Về Tiền hiền, Hậu hiền, có nhiều cách gọi và được lý giải như sau<sup>9</sup>:

- Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ: Tiền hiền là những người có công quy dân lập làng. Hậu hiền có công xây dựng các công trình phúc lợi cho làng, xã.

- Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai canh: Tiền hiền có công quy dân lập làng. Hậu hiền có công giúp dân khai hoang mở ruộng.

- Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai khẩn: Tiền hiền có công quy dân lập làng nhưng làng bị tiêu tán. Hậu hiền đến sau phải quy dân lập làng mới trên cơ sở làng cũ.

#### + **Bạch mã Thái giám**

Bạch mã Thái giám được phối thờ trong gian Chánh điện với ban thờ trang trọng bằng chữ Hán. Tên gọi cho thấy đây là con Ngựa trắng và là thuộc cận để phục vụ cho Thần Thành hoàng.

Về đối tượng thờ này, có nhiều cách biện giải: Bạch Mã Thái giám là vị thần gốc từ Phật Giáo. Đây là một trong những dạng mà hình thể là loại quý mình người đầu ngựa gọi là Mã Đầu La sát mà Bồ Tát Quan Âm thường hiện ra để hóa độ chúng sinh. “Mã Đầu La Sát là một vị thần được giới thương buôn tôn thờ. Theo Phật giáo, con ngựa trắng trở thành điềm lành... trong thực tế, con ngựa gọi là “Bạch Mã Thái Giám” được dân chúng hiểu là vật cỡi của Thần Thành hoàng. Do vậy, con ngựa này khi có cúng lễ đình luôn được dâng cúng các vật thực rất dễ hiểu: cỏ (hay lá tre non), lúa, nước”<sup>10</sup>.

<sup>9</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả. *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*. NXB Đồng Nai. 1998

<sup>10</sup> Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả. *Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa*. NXB Đồng Nai. 1998



Cũng có ý kiến cho rằng, Bạch Mã Thái Giám được nhà Nguyễn sắc phong Đẳng thần, là một vị Thần đất được thờ phổ biến ở vùng miền Trung. Những thế hệ di dân từ miền Trung vào Nam Bộ khai khẩn đã đưa vị thần này vào thờ trong những đình ở vùng đất mới. Tín ngưỡng này gốc của người Chăm mà tiền thân là thần Kalkyvatara<sup>11</sup>.

Những lý giải về nguồn gốc của đối tượng thờ là Bạch Mã Thái Giám khá đa dạng. Thế nhưng, khi được thờ trong đình của người Việt ở Biên Hòa nói riêng, ở Đồng Nai nói chung, trong tín niệm dân gian, người dân tin đó là con vật cỡi của thần làng, cũng là một dạng thần linh.

#### + *Tiên sư*

Bàn thờ Tiên sư được bày trang trọng tại gian giữa nhà Võ của đình. Tiên sư là cách gọi về những “bậc thầy đời trước” mang tính chất của Tổ nghề chung chung chứ không phân biệt cụ thể nghề nào.

#### + *Ngũ cốc, Ngũ thổ*

Trong gian thờ Thần Thành hoàng có bàn hương án thờ Ngũ cốc, Ngũ thổ viết bằng chữ Hán. Đây là một trường hợp khá độc đáo so với các ngôi đình khác trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai. Có một số lý giải về Ngũ cốc, thậm chí cho rằng, nó có sự liên quan đến Ngũ Hành. Thế nhưng, với sự thể hiện hình thức thờ ở đình Phú Mỹ có thể phản ánh đây là những lương thực chính (kê, đậu, ngô, lúa nếp, lúa tẻ) để phục vụ thần mang tính ý niệm và sự cầu mong của người dân trọng về nghề nông (?). Ngũ thổ là Thần thổ địa cai quản các vùng đất.

#### + *Các đối tượng phối thờ*

---

<sup>11</sup> Viện nghiên cứu xã hội Tp.HCM. Tô Thanh Bằng (chủ biên). Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM. 2008.



Ngoài các đối tượng thờ chính, đình Phú Mỹ tích hợp phối thờ nhiều vị thần khác nhau như: Miếu Ông, Miếu Bà (Ngũ Hành chi vị), Thần Nông, Ông Hồ (Sơn quân), Ngũ cốc, Ngũ thổ, các vị anh hùng liệt sĩ.

**+ *Đối tượng thờ đặc biệt***

Trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, người dân Phú Hội luôn hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng ngưỡng mộ, biết ơn và tôn kính. Vì vậy, trước sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người dân Phú Hội ghi nhớ công ơn của Người đã vận dụng một cách tài tình, khéo léo, tránh sự theo dõi của chính quyền Sài Gòn, sử dụng ba bức hoành phi mà nội dung các chữ đầu ghép lại thành tên Người - Hồ Chí Minh để thờ phụng tại Chánh điện. Với tình cảm thiêng thiêng sâu sắc, người dân Phú Hội tôn kính Người như một nhân thần, thể hiện trong văn tế cúng và nghi thức rước linh trong lễ Kỳ yên của đình năm 1969.

**\* Lễ hội tại di tích**

Hằng năm, tại di tích đình Phú Mỹ, diễn ra nhiều lễ cúng, gồm: Lễ Thượng nguyên (Rằm tháng giêng), lễ Trung nguyên (Rằm tháng bảy), lễ Hạ nguyên (Rằm tháng mười), lễ Tiên sư và Tổng phong 12/1 (âm lịch), lễ Kỳ yên diễn ra trong hai ngày 15 và 16/11 (âm lịch). Đặc biệt, từ khi rước linh Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thờ tại đình sau khi Người mất; theo thông lệ tổ chức lễ dâng hương vào ngày 19/5 và ngày mất 02/9 hằng năm. Thời gian tổ chức các ngày lễ truyền thống trong tín ngưỡng dân gian được tính theo âm lịch. Trong những ngày lễ, tùy theo tính chất của từng lễ mà Ban Quý tế tổ chức với quy mô khác nhau. Lễ Kỳ yên (Cầu an) là lễ chính của đình Phú Mỹ với tập thành những nghi lễ mang tính quy thức, thu hút đông đảo người dân tham dự.

Một thời gian dài trước năm 1975, trong hoàn cảnh chiến tranh và sự kiểm soát gắt gao của chính quyền Sài Gòn, lễ cúng tại đình Phú Mỹ bị hạn chế hoặc tổ chức với quy mô nhỏ. Sau ngày đất nước thống nhất; đặc biệt kể từ khi các giá trị





văn hóa truyền thống được khuyến khích bảo tồn, phát huy; lễ cúng tại đình Phú Mỹ được khôi phục.

Lễ hội tại đình Phú Mỹ theo thứ tự thời gian trong năm (tính theo âm lịch).

**+ Lễ cúng Tiên sư**

Lễ cúng Tiên sư được tổ chức ngày 12 tháng 1 (âm lịch) hàng năm. Tùy vào điều kiện kinh tế của dân làng đóng góp mà tổ chức với quy mô phù hợp. Nghi thức lễ do Ban tế lễ thực hiện.

Lễ cúng Tiên sư diễn ra tại nhà Võ theo đúng cổ lệ từ trước đến nay. Lễ vật cúng chính là Heo quay (còn gọi Phan sanh), xôi, trái cây, nhang đèn... nghi thức lễ được tiến hành tuần tự gồm một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà, chủ lễ đọc văn tế sau đó đốt. Sau nghi cúng chính của đình, người dân địa phương mang các lễ vật đến dâng cúng và cầu khẩn.

**+ Lễ Tổng phong (Tổng ôn)**

Lễ Tổng phong được tổ chức trong ngày 12 tháng 1 (âm lịch) ngay tại sân đình sau khi lễ cúng Tiên sư kết thúc. Mục đích của lễ nhằm xua đuổi tà ma, chướng khí khỏi địa vực của làng, cầu mong thần linh ban cho mọi người, mọi nhà sự bình yên, không bị dịch hại. Việc tổ chức lễ Tổng phong trong một ngày riêng biệt là sự khác biệt so với nhiều ngôi đình ở Đồng Nai. Phần lớn, những ngôi đình ở Đồng Nai tổ chức lễ Tổng phong trong dịp lễ Kỳ yên.

Lễ vật trong lễ Tổng phong gồm: Gạo trắng, thịt vịt luộc (còn gọi gia phù), xôi, nhang đèn... sau khi dâng một tuần hương, ba tuần rượu và một tuần trà, chủ lễ đọc văn tế rồi đốt. Các lễ vật bày cúng lễ Tổng phong một phần được bỏ vào chiếc thuyền. Chiếc thuyền được kết từ thân cây chuối, thành thuyền làm bằng tre dán giấy, xung quanh gắn cờ nhỏ nhiều màu sắc. Sau khi cúng tế, bốn thanh niên khiêng thuyền ra sông Đồng Môn. Trong quá trình khiêng thuyền ra sông, trống



được khởi ba hồi một. Khi đến bờ sông, thuyền được thả xuống nước trôi theo dòng nước. Người dân thề ước dòng nước đưa thuyền càng ra xa khỏi địa vực của làng mình, tin là chướng khí, độc hại, tà âm sẽ không có dịp theo quấy rối dân làng.

#### **+ Lễ Thượng nguyên**

Lễ Thượng nguyên tổ chức vào ngày 15 tháng 1 âm lịch. Vốn có nguồn gốc là lễ nghi nông nghiệp, sau được Phật giáo đồng hóa theo lệ sóc vọng hằng tháng (sóc là ngày mùng Một, vọng là ngày Rằm của mỗi tháng). Vía tạ ơn Thiên Quan đại đế vì đã ban cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi sau mùa thu hoạch trước Tết Nguyên đán. Lễ nghi đơn giản với việc sửa sang, dọn dẹp bàn thờ trong đình và dâng hương.

#### **+ Lễ dâng hương Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Nghi lễ dâng hương Bác Hồ diễn ra tại đình Phú Mỹ là một trong những nét độc đáo trở thành biểu tượng về tình cảm thiêng liêng của nhân dân Phú Hội đối với Bác Hồ kính yêu. Lễ dâng hương Bác Hồ được thực hiện từ ngày 02/9/1969 lúc được tin Bác Hồ mất. Sau khi đất nước thống nhất, hàng năm lễ dâng hương được thực hiện trọng thể trong hai ngày 19/5 (kỷ niệm ngày sinh) và 02/9 (kỷ niệm ngày mất Ban Quý tế đình thực hiện nghi thức cúng, có sự hiện diện của lãnh đạo xã Phú Hội (Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND, UBMTTQ và các đoàn thể cùng đông đảo nhân dân địa phương).

Lễ vật dâng lên bàn thờ Bác là những sản vật của địa phương (bông hoa, trái cây, trà) đều do người dân tự nguyện dâng cúng. Đặc biệt, cùng với lễ dâng hương tại đình nhiều gia đình ở Phú Hội cũng tổ chức dâng hương tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Bác Hồ. Tại buổi lễ, Ban tổ chức giành thời gian nói về thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những giá trị tư tưởng, đạo đức của Người, đề mọi người ra sức học tập, rèn luyện làm theo tấm gương đạo đức của Người.



*Cán bộ, chiến sĩ, nhân dân huyện Nhơn Trạch trong  
lễ Kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh  
(ảnh chụp năm 2010)*

#### **+ Lễ Trung nguyên**

Lễ Trung nguyên tổ chức vào ngày 15 tháng 7 âm lịch. Theo quan niệm là vía Địa Quan đại đế, vị thần coi về đất. Rằm tháng 7 trong Phật giáo là Lễ Vu lan xá tội vong nhân nên trong tín niệm cúng tại đình cũng ảnh hưởng, theo nghĩa cúng vong hồn. Lễ nghi đơn giản với việc sửa sang, dọn dẹp bàn thờ trong đình và thắp nhang.

#### **+ Lễ Hạ nguyên**

Lễ Hạ nguyên được tổ chức vào ngày Rằm tháng Mười. Theo quan niệm là vía Thủy Quan đại đế - vị thần giải trừ tật ách cho con người. Lễ nghi đơn giản với việc sửa sang, dọn dẹp bàn thờ trong đình và thắp nhang.

#### **+ Lễ hội Kỳ yên**



Lễ hội Kỳ yên tức lễ Cầu an là một lễ quan trọng, lễ lớn mỗi năm của đình Phú Mỹ. Mục đích của lễ Kỳ yên như tên gọi đã nói lên: Cầu an - những điều an lành, tốt đẹp cho làng xã, cho con người địa phương và cho đất nước. Những nghi thức quá trình diễn lễ cho thấy, người dân địa phương có lòng thành tôn thờ, tổ chức lễ Kỳ yên nhằm tạ ơn vị phúc thần đã ban ơn, bảo vệ người dân địa phương qua một năm, trên nhiều khía cạnh của cuộc sống và họ mong muốn vị Thần làng tiếp tục ban cho họ có hoặc hơn những điều tốt đẹp như thế.

- Thời gian

Lễ Kỳ yên diễn ra trong hai ngày từ 15/11 đến 16/11 (âm lịch). Công tác chuẩn bị diễn ra từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 11, Ban Quý tế đình họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

- Lễ vật

Theo truyền thống, lễ vật cúng Thần Thành hoàng phải dùng vật thực mặn không dùng đồ vật chay. Lễ vật theo cổ lệ gồm: xôi, thịt, trà, rượu, bánh trái... Xôi là lễ vật trọng được làm từ gạo nếp thơm, dẻo tạo nên loại xôi trắng nguyên chất, không sử dụng xôi đậu. Người dân Phú Mỹ thường dùng loại xôi trắng (còn gọi



Xôi rẻ nước), đây là loại xôi mang đặc trưng làng Phú Hội bởi nguyên liệu được chọn từ các loại nếp thơm, nếp sáp và nguồn nước mạch bà dùng nấu xôi tạo nên vị ngon đặc biệt. “Xôi thực ra là cơm nếp, được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất để tế Thần. Xôi tế Thần không có đậu, để tinh nguyên; thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái, hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu”<sup>12</sup>.

Theo quan niệm của người xưa, thịt dùng để tế Thần gồm Tam sanh tức là ba con vật tế (heo, bò, dê), heo còn gọi là cang lạp, bò gọi là hoàng mao, và dê gọi là nhu mao. Tùy thuộc vào phong tục tập quán của từng làng mà lễ vật cúng có sự khác nhau. Riêng đình Phú Mỹ thịt heo dùng để tế Thần. Rượu dùng loại rượu trắng ngon, trà dùng trà thơm, hoa quả cúng được lựa chọn tươi ngon, sạch sẽ. Ngoài những lễ vật theo quy định của đình được chuẩn bị, các gia đình trong làng chuẩn bị lễ vật khác nhau để tạ ơn Thần.

#### - Ban Tế lễ

Ban tế lễ trong lễ cúng Kỳ yên được lựa chọn kỹ lưỡng với những quy định nghiêm ngặt và có sự phân công cụ thể cho mỗi thành viên. Những người được lựa chọn thường phải đáp ứng các tiêu chuẩn như: Người lớn tuổi, có uy tín, có đạo đức, sức khỏe và gia đình phải thuận hòa êm ấm. Những người được tham gia trong Ban tế lễ là niềm vinh dự cho gia đình.

Về Ban tế lễ trong lễ Kỳ yên của đình làng Đồng Nai, sách Địa chí Đồng Nai cho biết thêm “Việc cúng tế ở đình do một vị Chủ tế, 02 Bồi tế, 1 Đông xướng, 1 Tây xướng và các vị Chấp sự từ 2 đến 8 người đảm trách. Số những người tham gia hành lễ không nhất định và càng đông người thì cuộc tế càng trở nên long trọng

---

<sup>12</sup> Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. NXB Tổng hợp Đồng Nai. 1998, tr 281.





hơn. Các vị đều bận áo thụng xanh, đội mũ, đi ủng. Riêng các vị quan cử hành việc cúng tế thì mặc áo trào, đội mũ cánh chuồn, đi hia và hai tay cầm hốt. Trong khi cử hành các nghi lễ, người ta còn sử dụng âm nhạc cổ truyền với trống cái, chiêng, kèn, trống con và bát âm”<sup>13</sup>.

Trong lễ Kỳ yên hằng năm, Ban tế lễ đình Phú Mỹ gồm các vị được phân công như sau:

- Chánh niệm hương: Còn gọi là Chánh báii, do người lớn tuổi trong làng có uy tín và có thời gian tham gia Ban tế tự.

- Chánh tế: Là người lãnh việc chủ tế.

- Bồi tế: Gồm hai người đứng hai bên tả hữu chánh tế.

- Đông hiến và Tây hiến: Hai người quỳ trước bàn thờ Tả ban và Hữu ban.

- Chấp sự viên: Gồm 4 người: Phụ trách khởi cỗ lệnh (trống lệnh), khởi thái bình (mõ), khởi minh chinh (chiêng), khởi đại cỗ (trống lớn).

- Thị lập: Gồm 4 người 01 Tả dinh, 01 Hữu dinh, và hai ông chánh điện tả, hữu dinh đứng ở hai bên bàn thờ bên trái và bên phải. Thị lập chánh điện đứng ở hai bên bàn thờ Thần.

- Thầy lễ: Là người phụ trách đọc văn tế và điều khiển các nghi lễ thực hiện đúng nghi thức.

- Hương văn: Người đọc văn tế.

- Học trò lễ: Còn gọi là lễ sinh có 5 cặp (02 cặp đèn; 02 cặp đài và 01 cặp xướng).

---

<sup>13</sup> Nhiều tác giả. Địa chí Đồng Nai (tập Lịch sử). NXB Tổng hợp Đồng Nai. 2001. tr 95.



- Ban nhạc lễ: Gồm 4 đến 5 người chơi các dụng cụ nhạc như: trống đại, trống cơm, bộ bập, đàn bầu...

- Lính hầu ông: Gồm 4 người mặc trang phục lính đứng 4 góc bàn thờ Thần, châu hầu cho Thần.

- Ông thủ từ: Ngồi cạnh bàn thờ Thần trong suốt thời gian làm lễ để gõ chuông cho khách lễ bái.

- Diễn trình lễ kỳ yên

- Ngày thứ nhất (15/11)

- Nghi Thượng kỳ

Mở đầu cho lễ hội Kỳ yên tại đình Phú Mỹ là nghi thức thượng kỳ (thượng cờ) được tiến hành vào lúc 07h00' sáng ngày 15 tháng 11 âm lịch, Ban tế lễ tề tựu đầy đủ trước sân đình, y phục chỉnh tề (áo dài, khăn đóng). Hai vị Bồi tế đến trước cột cờ kéo cờ lên. Trên đầu cột cờ một lá cờ Tổ Quốc, bên dưới là lá cờ ngũ sắc (xanh, vàng, đỏ, tím, trắng). Mặt trước lá cờ ngũ sắc có ghi 4 chữ “Quốc thái dân an”, mặt sau ghi “Thần An Miếu Vũ”. Nghi thức thượng kỳ là khai mở lễ hội Kỳ yên của đình. Mục đích, cầu cho đất nước thái bình, nhân dân yên ổn, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no hạnh phúc.

- Nghi Tỉnh sanh (Thỉnh sanh)

Theo cổ lệ nghi thức Tỉnh sanh được thực hiện với nhiều nghi thức lễ khác nhau. Hiện nay, nghi thức Tỉnh sanh được giản lược hóa, thời gian diễn ra chiều ngày 15 tháng 11 âm lịch, Ban tế lễ tề tựu đông đủ tại đình, y phục chỉnh tề. Chánh tế, Bồi tế và hai lễ sinh đến trước bàn thờ Thần đốt nhang lạy 4 lạy. Chánh tế cầm ba cây nhang đại và giấy vàng bạc đại cùng lễ sinh cầm song đăng (hai cây đèn cầy) đi đến địa điểm thỉnh sanh (Nhà bếp). Một con heo đã được đặt trên bàn, có hai người giữ bốn chân để heo không vùng vẫy được. Chánh tế cầu nguyện xong,



chấp sự viên đổ một ly rượu vào miệng heo, tưới trên mình heo chứng tỏ sự sạch sẽ, khỏe mạnh của con heo, một người được giao nhiệm vụ (trước kia gọi là đồ tể) nắm miệng con heo sống bắt đầu chọc tiết cho chảy xuống thau, Chánh tế cầm 1 ly hứng huyết con vật rồi cạo thêm một nhúm lông ở cổ con vật bỏ vào ly huyết sau đó dùng giấy bạc đậy kín. Khi con heo đã chết, Chánh tế đốt giấy vàng bạc đại rồi cùng hai lễ sinh trở về Chánh tẩm đáp tạ thần 4 lạy. Khi heo làm xong không xẻ thịt ngay mà để nguyên vẹn đặt lên sạp (bàn la liệt) trước bàn thờ Thần chờ đến giờ cúng.

- Nghi Tiên hiền, Hậu hiền

Khác với các ngôi đình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nghi thức cúng Tiên hiền, Hậu hiền tại đình Phú Mỹ diễn ra vào lúc 18 giờ, ngày 15/11 và cũng là lễ cúng nhằm tạ ơn những vị có công lập đình, lập làng và xây dựng phát triển làng xã. Việc chuẩn bị lễ vật, nhang đèn đã xong. Lễ sinh bắt đầu xướng các nghi thức tuần tự như sau:

- + Khởi chung cổ: Chấp sự đánh ba hồi chiêng.
  - + Nhạc công tấu nhạc: Ban nhạc lễ tấu nhạc.
  - + Chánh tế tỵ vị: Chánh tế bước vào bàn thờ.
  - + Bồi tế tỵ vị: Bồi tế bước vào bàn thờ.
  - + Phân hiến các tỵ vị: Các lễ sinh tỵ vị.
  - + Các nghệ quán tẩy sớ: Chánh tế, Bồi tế đến thau nước.
  - + Quán tẩy: Chánh tế, Bồi tế rửa tay, rửa mặt.
  - + Thuế cân: Mọi người lau tay, lau mặt.
  - + Phục vị: Mọi người trở lại vị trí cũ.
- Nghi thiết dâng hương



- + Nghệ hương án tiền: Nghi lễ dâng hương.
- + Quy: Mọi người quỳ xuống.
- + Phần hương: Chánh tế, Bồi tế cầm ba đài hương đưa lên ngang trán và khấn nguyện.
- + Thượng hương: Chánh tế, Bồi tế đưa ba đài hương cho lễ sinh. Chánh tế lạy một lạy. Lễ sinh nhận ba đài hương dâng lên bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.
- + Phủ phục hưng bình thân: Chánh niệm hương đứng lên.
- + Cúc cung bái (bốn lần): Lạy bốn lạy.
- + Hưng bái (bốn lần): Lạy thêm bốn lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Thiếu thối: Chánh tế, Bồi tế đứng lên lùi ra.
- + Kỳ lão niệm hương tỵ vị: Kỳ lão tập trung trước bàn thờ.
- + Quy: Mọi người cùng quỳ xuống.
- + Niệm hương: Kỳ lão nhận ba nén hương, đưa lên ngang trán khấn nguyện và đưa cho lễ sinh dâng lên bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.
- + Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Cúc cung bái (bốn lần): Lạy bốn lạy.
- + Hưng bái (bốn lần): Lạy thêm bốn lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Phục vị: Mọi người trở về vị trí cũ.
- Nghi tiết dâng rượu thứ nhất (Sơ hiến lễ): Nghệ tửu án tiền.
- + Quy: Chánh tế, Bồi tế cùng quỳ xuống.



- + Châm tửu: Chánh tế, Bồi tế rót rượu vào ba ly.
- + Điện tửu: Lễ sinh mang ba ly có rượu lên đặt bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.
- + Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Cúc cung bái (hai lần): Lạy hai lạy.
- + Hưng bái (hai lần): Lạy thêm hai lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- Nghi thức đọc văn tế
- + Nghệ độc chúc vị: Lễ sinh bung văn tế đến trước hương án cùng đi có thầy lễ.
- + Quy: Mọi người quỳ xuống.
- + Chuyển chúc: Thầy lễ nhận văn tế.
- + Đọc chúc: Thầy lễ đọc văn tế, học trò lễ bung đèn quỳ một bên, Chánh tế, Bồi tế quỳ phía sau.
- + Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Cúc cung bái (hai lần): Lạy hai lạy.
- + Hưng bái (hai lần): Lạy thêm hai lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- Nghi tiết dâng tuần rượu thứ hai
- + Á hiến lễ: Nghệ tửu án tiền.
- + Quy: Mọi người cùng quỳ xuống.
- + Châm tửu: Chánh tế rót rượu vào ba ly.
- + Điện tửu: Lễ sinh mang ba ly có rượu lên đặt bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.





- + Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Cúc cung bái (hai lần): Lạy hai lạy.
- + Hưng bái (hai lần): Lạy thêm hai lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- Nghi tiết dâng tuần rượu thứ ba
- + Chung hiến lễ: Nghệ tử án tiền.
- + Quy: Mọi người cùng quỳ xuống.
- + Châm tửu: Chánh tế rót rượu vào ba ly.
- + Điện tửu: Lễ sinh mang ba ly có rượu lên đặt bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.
- + Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Cúc cung bái (hai lần): Lạy hai lạy.
- + Hưng bái (hai lần): Lạy thêm hai lạy.
- + Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.
- + Thiếu thời: Chánh tế, Bồi tế đứng lên lùi ra.
- + Bồn thôn nam nữ thứ đệ đại tiểu đồng la bái: Tất cả nam nữ lớn nhỏ vào bái.
- + Phục vị: Mọi người trở về vị trí cũ.
- Nghi tiết dâng tuần trà
- + Điem trà: Học trò lễ rót nước trà vào các ly trên bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền.
- + Cúc cung bái (4 lần): Mọi người lạy bốn lạy.
- + Hưng bái (bốn lần): Lạy thêm bốn lạy.



+ Hưng bình thân: Mọi người đứng dậy.

+ Lễ từ: Chánh tế, phụ tế xá ra.

+ Phần chúc: Học trò lễ mang văn tế trên bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền xuống và đốt Văn tế kèm theo giấy bạc đại (là loại tiền vàng mã kích thước 20cmx35cm, gồm một miếng giấy vàng, một miếng giấy bạc).

+ Lễ tât: Học trò lễ lạy tại bàn Tiền hiền, Hậu hiền, lễ cúng Tiền hiền, Hậu hiền kết thúc.

- Ngày thứ hai (16/11)

- Nghi thức cúng Đoàn cả (đàn cả)



*Nghi dân lễ lên bàn thờ Thần*

Đây là nghi thức chính và quan trọng nhất trong lễ hội Kỳ yên để tạ ơn Thần Thành hoàng giúp dân có cuộc sống ấm no, mùa màng bội thu, cầu mong Ngài tiếp tục phù hộ che chở cho dân làng. Theo cổ lệ thời gian diễn ra nghi thức cúng Thần bắt đầu cử hành vào lúc 0h, tuy nhiên thực tế tại các đình làng do trải qua thời gian chiến tranh, dân làng ly tán, điều kiện kinh tế, sinh hoạt có nhiều thay đổi nên thời



gian thực hiện nghi lễ mỗi đình có khác nhau. Đình Phú Mỹ thời gian cúng Đoàn cả diễn ra vào lúc 9 giờ sáng.

Công tác chuẩn bị lễ vật, nhang đèn, chiêng, trống... y phục trang nghiêm, các thành viên thuộc Ban tế lễ áo dài, khăn đóng. Riêng Chánh tế và phụ tế đều mặc áo rộng màu xanh, khăn đen. Mọi việc chuẩn bị xong, lễ sinh bắt đầu xướng các nghi thức tuần tự như sau:

- Nghi củ soát tế vật:

+ Bài ban ban tề: Các Chấp sự viên, Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến đứng theo vị trí tại phía sau hậu đình thành hai hàng dọc hai bên.

+ Tinh túc thị lập: Đứng yên lặng.

+ Củ soát lễ vật: Lễ sinh đưa ba cây nến cho Chánh tế, Bồi tế và dẫn các vị này đến các ban thờ kiểm soát lễ vật xem đã đầy đủ, sạch sẽ và đặt đúng vị trí chưa.

+ Ế mao huyết: Học trò lễ mang theo hai cây đèn cầy theo sau Chánh tế, Bồi tế và các kỳ lão mang ly huyết ra chôn cây cổ thụ.

+ Chấp sự giả các tư kỳ sự: Chấp sự viên trở về vị trí của mình.

+ Cúc cung bái (4 lần): Chấp sự viên lạy bốn lạy.

+ Hưng bái (4 lần): Chấp sự viên lạy thêm bốn lạy.

+ Hưng bình thân: Chấp sự viên đứng lên.

+ Khởi cổ lệnh: Đánh trống lệnh ba hồi.

+ Khởi thái bình (hay còn gọi kích bang): Đánh mõ ba hồi.

+ Khởi minh chinh: Đánh chiêng ba hồi.

+ Khởi đại cổ: Đánh trống lớn ba hồi.



+ Cổ lệnh, Thái bình, Minh chính, Đại cổ tề minh: Trống lệnh, mõ, chiêng, trống lớn đánh ba hồi xen kẽ nhau.

+ Nhạc sinh tấu nhạc: Ban tế nhạc tấu nhạc.

+ Chánh tế tựu vị: Chánh tế đứng vào bàn nghi.

+ Bồi tế tựu vị: Bồi tế đứng vào bàn nghi.

+ Đông hiến, Tây hiến các tựu vị: Đông hiến và Tây hiến bước vào bàn nghi.

+ Các nghệ quán tẩy sở: Các ông Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến đến chỗ thau nước.

+ Quán tẩy: Mọi người rửa tay và mặt.

+ Thuê cân: Mọi người lau tay và mặt.

+ Phục vị: Mọi người trở về trước bàn nghi.

+ Nghệ hương án tiền: Chánh tế, Bồi tế đi đến trước bàn Hội đồng ngoại, học trò lễ bung đài hương đi vào.

+ Giai quy: Mọi người cùng quỳ xuống.

+ Phần hương: Chánh tế đốt hương xong và đưa ba đài hương lên ngang trán khấn nguyện.

+ Thượng hương: Chánh tế đưa ba đài hương cho lễ sinh, Chánh tế, phụ tế cùng lạy Thần một lạy. Lễ sinh đem ba đài hương đến trước bàn nghi dâng lên bàn thờ Thần.

+ Phủ phục hưng bình thân: Chánh tế, Bồi tế đứng dậy.

+ Nghinh thần cúc cung bái: Chánh tế, Bồi tế lạy thần bốn lạy.

+ Hưng bái (4 lần): Lạy thêm bốn lạy.

+ Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.



- + Thiếu thối: Hoàn thành nghi lễ dâng hương. Đến lượt dâng hương của các Kỳ lão.
- + Kỳ lão niệm hương tỵ vị: Kỳ lão đến trước bàn nghi.
- + Niệm hương: Kỳ lão cầm ba nén hương khấn nguyện và đưa nén hương cho lễ sinh dâng lên bàn thờ Thần.
- + Phủ phục hưng bình thân: Kỳ lão đứng lên.
- + Cúc cung bái (4 lần): Kỳ lão lạy 4 lạy.
- + Hưng bái (4 lần): Kỳ lão lạy thêm 4 lần.
- + Hưng bình thân: Kỳ lão đứng lên.
- + Kỳ lão tỵ vị: Kỳ lão đứng trước bàn nghi lạy 4 lần.
- + Quý khách tỵ vị: Quý khách đến trước bàn nghi lạy 4 lần.
- + Phục vị: Mọi người trở về trước bàn nghi.
- Nghi tuần rượu lần thứ nhất (Hành sơ hiến lễ):
  - + Nghệ tửu tôn sớ: Lễ sinh bung đài rượu vào trước bàn nghi.
  - + Châm tửu: Chánh tế, Bồi tế tiếp lấy ba bầu rượu, xá một xá, rót rượu vào ba ly rồi đưa bầu rượu và ba ly rượu cho lễ sinh.
  - + Phục vị: Lễ sinh đưa Chánh tế, Bồi tế về trước bàn nghi.
  - + Nghệ thân vị tiên: Lễ sinh gồm một cặp dâng, một cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, Bồi tế đến trước bàn Hội đồng ngoại.
  - + Giai quy: Mọi người cùng quỳ xuống.
  - + Tấn tước: Chánh tế, Bồi tế bung lấy bầu rượu đưa ngang trán khấn nguyện sau đó rót đầy ba ly rượu.





+ Hiến tước: Lễ sinh đứng dậy. Chánh tế, Bồi tế vẫn quỳ. Lễ sinh lùi lại phía sau rồi đi lên bàn thờ Thần.

+ Hành phân hiến lễ: Lễ sinh bưng bầu rượu đi rót rượu vào ly tại các bàn thờ khác.

+ Phủ phục hưng bình thân: Chánh tế, Bồi tế đứng dậy.

+ Cúc cung bái: Lạy hai lạy.

+ Hưng bái (2 lần): Lạy thêm 2 lạy.

+ Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.

- Nghệ đọc chúc vị (nghỉ đọc văn tế):

+ Giai quy: Mọi người cùng quỳ xuống.

+ Chuyển chúc: Thầy lễ nhận văn tế.

+ Đọc chúc: Thầy lễ đọc văn tế, học trò lễ bưng đèn quỳ một bên.

+ Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng dậy.

+ Cúc cung bái: Lạy hai lạy.

+ Hưng bái (2 lần): Lạy 2 lạy.

+ Hưng bình thân: Mọi người đứng dậy.

- Nghi tuần rượu thứ hai (hành trung hay hành á hiến lễ) và nghi tuần rượu thứ ba (hành chung hiến lễ) có nội dung và cách thức tiến hành tuần tự như nghi tuần rượu thứ nhất.

- Nghi ẩm phước:

Sau khi dâng lễ vật lên cúng Thần, Thần dự hưởng rồi, các vị Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến được thừa hưởng vì vậy nên ai được chọn tế lễ là một điều hãnh diện cho họ. Nghi lễ được thực hiện như sau:



+ Giai quy: Mọi người cùng quỳ xuống.

+ Âm phước: Học trò lễ mang rượu đã cúng Thần xuống cho các vị mỗi người uống một ly.

+ Thọ tợ: Chánh tế, phụ tế thưởng thức một miếng (thịt heo hoặc lòng heo) do lễ sinh mang xuống. Trong lúc diễn ra âm phước và thọ tợ lễ sinh xướng ca ngợi phước vị của Thần (nhạc công vẫn tấu nhạc):

Duy thổ tửu hào:

Thần chi sở tứ:

Lai hâm lai hy:

Tư khách tư chỉ:

+ Phủ phục hưng bình thân: Mọi người đứng lên

+ Cúc cung bái: Lạy hai lạy.

+ Hưng bái (2 lần): Lạy 2 lạy.

+ Hưng bình thân: Mọi người đứng lên.

- Nghi điểm trà (nghi Tuần trà):

+ Nghi lễ này được thực hiện đơn giản, lễ sinh xướng “điểm trà”, học trò lễ bưng trà đi thẳng vào chánh điện, Ban tế lễ tiếp trà dâng lên bàn thờ Thần.

+ Lễ từ: Chánh tế, Bồi tế xá ra.

- Nghi hóa văn tế:

+ Nghệ phân chúc sớ: Lễ sinh lấy văn tế từ bàn hội đồng ra.

+ Phần chúc: Tiến hành đốt văn tế với giấy bạc.

+ Học trò lễ lạy.



+ Dàn hầu lạy.

+ Lễ tât: Nghi lễ thực hiện xong.

Lễ hội tại di tích đình Phú Mỹ là một trong những sinh hoạt văn hóa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, đời sống của người dân Phú Mỹ. Bên cạnh các lễ nghi truyền thống trong thiết chế tín ngưỡng dân gian, về sau, với lòng tôn kính Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại di tích đã bổ sung lễ dâng hương tưởng nhớ Bác Hồ. Nét sinh hoạt này trở thành truyền thống trong một cơ sở tín ngưỡng dân gian của địa phương, thể hiện tình cảm sâu đậm của người dân Phú Hội đối với Bác Hồ kính yêu. Người đã đi vào lòng dân như một biểu tượng cao quý, thiêng liêng, trở thành một “phúc thần” nhân dân tôn thờ.



*Đông đảo người dân địa phương và vùng lân cận đến tham dự lễ hội Kỳ yên*

Lễ Kỳ yên tại đình Phú Mỹ là lễ hội quan trọng của di tích lịch sử này, được gìn giữ và duy trì qua nhiều biến thiên của lịch sử, trở thành một nét sinh hoạt văn hóa tinh thần trong đời sống của người dân Phú Hội. Qua lễ hội, người dân Phú Hội bày tỏ sự biết ơn đối Thần Thành hoàng Bổn cảnh, thần linh và các vị tiên nhân,



một ứng xử mang nhân văn cao cả; đồng thời tạo nên sự gắn kết cộng đồng, phản ánh sự khát khao về những điều cao quý, tốt đẹp đến với quê hương, đất nước. Đồng thời cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, đất nước thái bình, nhân dân yên ổn. Lễ Kỳ yên cũng là dịp để dân làng họp mặt, trao đổi công việc gia đình, làm ăn buôn bán, kinh nghiệm lao động sản xuất, mùa màng, nuôi dạy con cái học hành đỗ đạt, cùng nhau xây dựng ngôi đình.

Lễ hội Kỳ yên đình Phú Mỹ thu hút người dân địa phương và các vùng lân cận tham dự, tạo ra một không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, gắn bó trong mối đoàn kết hòa hợp, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau “tình làng, nghĩa xóm” - truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam, luôn được nhân dân gìn giữ, bảo tồn và phát huy.

**\* Văn tế tại đình Phú Mỹ**

**+ Văn tế Thần Thành hoàng**

Nội dung:

Duy: Việt Nam tuế thứ... niên.

Kiến:... nguyệt,... sóc

Việt thập lục nhật... lương Thần

Đồng Nai tỉnh, Nhơn Trạch huyện, Phú Hội xã, Phú Mỹ ấp.

Chánh tế:

Bồi tế:

Hiệp nội thôn đại tiểu đẳng.

Cần di:

Cang lập, tư thành, thanh chúc, thứ phẩm, chi nghi.



Cẩn chiếu cáo vu:

Phụng sự đương cảnh Thành hoàng tôn thần.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại tôn thần.

Trứ phong vi “Đôn ngưng dực bảo trung hưng chi thần”.

Tả ban liệt vị.

Hữu ban liệt vị.

Đại Càn Quốc gia Nam Hải Diệu Ứng Hiển Linh, Mặc Tướng Nghiêm Lương, Thành Triết Phổ Minh, Dĩnh Đạt Hiệu Ân, Điệp Đức Quảng Đại Cao Minh Bác Hậu, Chiêu Ứng Phổ Hóa Huyền Hưu.

Tứ Vị Thánh Nương Nương.

Đông Nam sát hải.

Lang thất nhị đại tướng quân.

Cao các linh ứng tôn thần.

Ngũ cốc chi thần.

Ngũ thổ chi thần.

Thái giám Bạch mã chi thần.

Tiên Thần nông vị chi thần.

Tiên sư chi vị.

Sơn quân chi thần.

Ngũ hành chi vị.

Cô hồn chi vị.

Tả vu thân hạ, Hữu vu thân hạ.





Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ.

Tiền hương trưởng liệt vị.

Tiền hương mục liệt vị.

Ky:

Chủ ngưu mang nương.

Chăm chợ, Mọi rợ, Chủ cỏ danh tướng.

Trùng trùng hữu danh vô vị, Điệp điệp hữu vị vô danh, Dữ mục đồng đại tiểu đẳng, Đông lai giám cách.

Viết cung duy:

Trạt trạt khuyết linh, Dương dương tại thượng, Ứng vô thính, Yểm vô xứ, Nghiêm nghiêm nhiên viết võ, viết văn, Thị phát kiến, Thính phát văn, Lầm lầm hồ nãi thần nãi thánh, Càn hành càn kiến chi hoàn hoàn, Chấn xuất oai linh chi cảnh cảnh, Cực sanh vật dục, Nhon hoàng phú tái ư quần lê, Hoãn hoãn ngự tại đức bá nhuận chiến ư triệu tánh.

Tư nhân:

Chánh lễ cung trần, Tái thiết điện nghi thành kính, Ngưỡng giáng lâm tịch thượng, Hâm thử phương tôn giọng giám cách diên trung, Tứ chi gia khánh, Tỷ hộ sỹ dân an khương hạnh phúc, Xã ấp gia tăng vĩnh thịnh, Đắc lộc đắc danh, Công đào phú quý chi thiên, Hữu súy hữu xương, Thứ thiệp vinh hoa chi cảnh.

Ngưỡng lại tôn thân, chi gia huệ dã.

Phục duy. Cẩn cáo.

Tạm dịch:



Kính: Việt Nam năm tháng: Năm... kiến... tháng... sóc, qua ngày 16 ngày tốt, tại thôn Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch.

Chánh tế, ông...

Bồi tế, ông...

Cùng tất cả già trẻ lớn bé trong thôn.

Kính cần dâng lễ gồm: Thịt heo tươi trọn con, xôi, rượu, cùng các thứ phẩm khác.

Kính cáo cùng các vị:

Thần Thành hoàng Bôn cảnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại tôn thần.

Thần được phong là “Thần Đôn Ngung Dục Bảo Trung Hưng” (tức không ngừng đôn đốc, làm cho mọi việc tiến triển tốt, bảo ban giúp cho làng xã hưng thịnh).

Các vị:

Tả ban.

Hữu ban.

Đại Càn Quốc Gia Nam Hải, Diệu Ứng Hiền Linh, Mặc tướng Nghiêm Lương, Thành Triết Phổ Minh, Dĩnh Đạt Hiệu Ân, Điệp Đức Quảng Đại Cao Minh Bác Hậu, Chiếu Ứng Phổ Hoá Huyền Hư.

Tứ vị thánh Nương Nương.

Đông Nam Sát Hải.

Long Thất Nhị Đại Tướng Quân.

Cao Các Linh Ứng Tôn Thần.



Ngũ Cốc Chi Thần.

Ngũ Thổ Chi Thần.

Thái Giám Bạch Mã Chi Thần.

Các vị:

Tiên Sư.

Thần Sơn quân.

Các vị Ngũ Hành.

Các vị cô hồn.

Thần Tả vu. Thần Hữu vu.

Các vị: Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ.

Các vị: Tiền hương trưởng, Tiền hương mục.

Cùng:

Chúa Ngu Nương Nương.

Chăm chợ, Mọi rợ. Chủ cỗ danh tướng.

Các vị có tên không vị, hoặc có vị mà không tên, những mục đồng lớn nhỏ.

Mong các ngài chứng giám cho.

Cung kính cầu xin rằng:

Thần sáng lạng uy linh, hiển hiện nơi đây, gọi không tiếng, đập không mùi, sợ sợ thay ấy vỡ, ấy vỡ. Nhìn chẳng thấy, lắng chẳng nghe. Lầm lẫm ôi bậc Thần, bậc Thánh.

“Càn” đi vững chắc chi hung hung.

“Chân” xuất oai linh chi chót chót.



Thái cực dưỡng đức vạn vật. Tấm lòng Thần rộng lớn che chở cho muôn dân, gặp hoạn chặn lại, đức truyền bá trăm họ.

Ấy vậy:

Nhân dịp lễ chính, bày biện lễ vật và dâng nghi lễ tế Thần, mong Thần giáng lâm, hưởng chén rượu thơm, chứng giám lễ này mà ban cho phước lành, phù hộ sỹ dân được an khang hạnh phúc, xã ấp thêm thịnh vượng trường tồn, được lộc, được danh, cùng vui vẻ phú quý tận trời xanh, có hung có thịnh đều được vinh hoa nơi thôn ấp.

Mong Thần ban thêm ân huệ.

Cúi mình kính cẩn, báo cáo.

+ Văn tế Tiên hiền - Hậu hiền

Nội dung:

Duy: Việt Nam tuế thứ niên.

Kiến: ... nguyệt, ... sóc.

Việt thập ngũ nhật lương Thần.

Nhon Trạch huyện, Phú Hội Xã, Phú Mỹ ấp.

Chánh tế:

Bồi tế:

Hiệp nội thôn đại tiểu đẳng.

Cần di:

Hương đăng, hoa quả, phẩm vật, thanh chước chi nghi.

Cảm chiêu cáo vu:

Tiên hiền, Hậu hiền chi vị.



Tiền hương trưởng chi vị.

Tiền hương mục chi vị.

Viết cung duy:

Mộc bản thủy nguyên, Cảnh ngưỡng hồng ân mạc trác, Ngưỡng quang phủ sát, Toàn bằng công đức nan lường, Tri ân cổ vãng kim lai, Mỗi niệm thu thường xuân điện.

Kính duy liệt vị:

Công cao sáng thủ, Đức đại tài bồi, Phát vị phát chi tiên, Quy dân lập ấp, Khai ký khai chi hậu, Thát thổ trầm kinh, Giáo hóa phu nhất xứ sơn hà, Thượng hòa hạ mục, Huệ trạch nhuận thiên thu.

Thái tử nguyên khiết lưu thanh, Ưc biểu phạm dĩ chi nhi thủy sanh, Tiền hạt khách phương danh, Quy mô tự thủy nhi chung, Một hậu khăng mai di trạch.

Thời duy trọng đông tiết mục thuộc luật huỳnh chung, Trở đậu tải trần hâm hưởng, ngưỡng lưỡng lai chi giám, Nhị thực thứ cơ, Tất phân tiến hỷ, Hộ hương thôn, Viết thọ viết khương, Sứ lân ấp tử xương tử sụy.

Phục duy.

Cẩn cáo.

Tạm dịch

Kính: Việt Nam, năm tháng: Năm... kiến... tháng... sóc, qua ngày 15 ngày tốt, tại thôn Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch.

Chánh tế, ông...

Bồi tế, ông...

Cùng tất cả già trẻ lớn bé trong thôn.





Kính cẩn dâng lễ gồm: xôi, rượu, cùng các thứ phẩm khác.

Kính cáo cùng các vị:

Tiền hiền, Hậu hiền.

Tiền hương trưởng.

Tiền hương mục.

Cung kính xin rằng:

Cây có gốc, nước có nguồn, ngưỡng trông hồng ân mênh mông bát ngát, ngưỡng mong tấm lòng các Ngài soi xuống, mọi sự công đức đóng góp đều bắt nguồn từ sự từ tâm của các Ngài. Hậu thế luôn tưởng nhớ từ xưa tới nay, thường vào mỗi dịp xuân thu, tổ chức tiến cúng.

Kính xin các Ngài:

Các Ngài vốn có công lớn trong việc soi sóc, tạo dựng, vun trồng đất đai làng mạc. Tập hợp nhân dân phát triển thôn ấp, khai phá đất đai trăm kinh, giáo hoá rộng khắp cả một vùng sông núi, làm cho trên hoà dưới thuận, ân huệ thấm nhuần thiên thu.

Vùng đất khai sáng mãi lưu tiếng thơm muôn đời của các Ngài. Vào tiết mùa đông tháng mười một hàng năm dân làng dâng mâm lễ vật cúng. Ngưỡng mong các Ngài về hưởng lấy và soi xét cho lòng thành chúng dân, ban lộc nhiều, phù hộ cho thôn làng trường thọ, yên ổn, cho ấp thịnh vượng, tươi đẹp.

Cúi mình cẩn cáo!

## **5. Giá trị về giáo dục truyền thống**

Di tích đình Phú Mỹ với những giá trị về văn hóa - lịch sử vì vậy, nơi đây còn là địa chỉ du lịch về nguồn với ý nghĩa giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.



Những chiến công oai hùng của quân và dân ta qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ là những bản hùng ca về thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc. Du khách đến đây ngoài việc chiêm ngưỡng kiến trúc đình làng và lễ hội truyền thống của người Việt Nam Bộ, mà còn được nhắc nhớ lại những chứng tích lịch sử đã đi vào ký ức của bao thế hệ cư dân như một biểu tượng của quê hương “Miền Đông gian lao mà anh dũng”.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, quân dân Phú Hội đã có những đóng góp to lớn cho phong trào cách mạng. Từ mặt trận tiền tuyến đến các vùng hậu phương; từ đội thiếu niên Tiền phong cho đến các tổ chức đoàn thể cứu nước tham gia trong Mặt trận Việt Minh; từ các chiến sĩ xung pha nơi chiến trận đến các vị bô lão địa phương đâu đâu cũng thấy phong trào đấu tranh sôi sục, lòng yêu nước và tinh thần quả cảm của nhân dân Phú Hội. Hòa cùng với lịch sử hào hùng của dân tộc, đình Phú Mỹ đã ghi dấu những sự kiện lịch sử yêu nước, đấu tranh cách mạng của nhân dân Phú Hội mà tiêu biểu là ba bức hoành phi ca ngợi chủ tịch Hồ Chí Minh, khẳng định một giá trị lịch sử đích thực mang tính giáo dục cao, một nghĩa cử thiêng liêng, là tấm lòng của người dân Phú Hội nói riêng, Đồng Nai nói chung đối với vị cha già của dân tộc.





Di tích đình Phú Mỹ là địa chỉ đỏ phù hợp với những chuyến du khảo về nguồn, là chứng tích chân thật cho quá trình giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc của các thế hệ cha anh.

Di tích đình Phú Mỹ là địa chỉ đỏ phù hợp với những chuyến du khảo về nguồn, là chứng tích chân thật cho quá trình giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc của các thế hệ cha anh.

Hàng năm di tích vẫn chào đón các cuộc hành trình về nguồn của Đoàn thanh niên, học sinh, sinh viên ở địa phương và các vùng lân cận đến tham quan, học tập, nghiên cứu.

## **6. Giá trị về du lịch**

Đình Phú Mỹ nằm trong không gian của “Làng cổ Phú Hội” đang được Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai phối hợp với tổ chức Jica - Nhật Bản lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Trong không gian làng cổ Phú Hội, bên cạnh di tích đình Phú Mỹ đã được UBND tỉnh xếp hạng, còn khá nhiều di sản văn hoá khác tạo thành một tour du lịch đặc sắc thích hợp cho những chuyến tham quan về nguồn, du lịch sinh thái và đặc biệt với những người thích tìm hiểu về lịch sử - văn hóa.

### **\* Đình Phú Hội**

Đình Phú Hội thuộc ấp Phú Mỹ 1, xã Phú Hội được dân làng khởi dựng cách nay khoảng 200 năm thờ Thành hoàng bốn cảnh. Lúc đầu đình tồn tại gần khu vực nhà thờ Mỹ Hội, cách nhà thờ khoảng 200m về phía Tây Nam. Đình được dựng bằng vật liệu cột gỗ, vách ván, mái lợp tranh... Về kiến trúc đình có mặt bằng tổng



thể dạng chữ tam gồm tiền đình, chánh điện và nhà bếp. Trong mỗi hạng mục được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ, mái bánh ít.

Năm 1947 thực hiện phong trào “tiêu thổ kháng chiến” không cho thực dân Pháp và tay sai dùng đình làm đồn bót, du kích xã Phú Hội đã đốt đình. Đến năm, đình được các bô lão và dân làng dời về sau UBND xã Phú Hội. Trải qua các lần trùng tu sửa chữa, đình có diện mạo như ngày nay. Đình tọa lạc trên một vùng gò đồi cao, rộng khoảng 2000m<sup>2</sup>, mặt quay về phía tây nhìn ra lộ 769, hướng về sông Đồng Môn đón gió lành. Đình có mặt bằng tổng thể cũng dạng chữ tam gồm tiền đình, chánh điện và hậu đình được xây dựng theo kiến trúc kiểu tứ trụ. Tiền đình và Chánh điện có mái dạng bánh ít, lợp ngói tây; trên mái chánh điện có trang trí lưỡng long tranh châu, lân, cá hóa long. Trong nội thất chánh điện có hai cột gỗ được chạm nổi hình rồng.

#### **\* Miếu Giang Lò**

Miếu Giang Lò được dân làng khởi dựng cách nay trên 100 năm để thờ Ngũ hành nương nương. Vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đây là cơ sở hoạt động của Thiên Địa Hội Long Thành và sau này đây cũng là nơi thờ các nghĩa binh của Thiên Địa Hội. Khởi dựng, miếu được làm bằng vật liệu tranh tre, nứa lá... Qua nhiều lần xây dựng, trùng tu, sửa chữa miếu có diện mạo và vị trí như ngày nay.

Miếu Giang Lò được xây dựng trên một ngọn đồi cao sát lộ 736 (đường Giang Lò). Mặt tiền của miếu hướng về phía Sông Đồng Môn. Từ đường lên miếu phải qua nhiều bậc cấp. Miếu có mặt bằng tổng thể dạng chữ tam gồm Tiền miếu, Chánh điện và Hậu miếu. Chánh điện được xây dựng theo kiến trúc nhà tứ trụ, các trụ được đắp nổi rồng; mái lợp ngói tây. Còn Tiền miếu và Hậu miếu được xây dựng theo kiểu nhà ngang, mái lợp tôn.

#### **\* Dinh Ông Gốc**



Miếu Ông Gốc hay thường gọi là Dinh Ông Gốc được xây dựng vào năm nào không còn ai nhớ rõ, nhưng họ chỉ nghe kể lại được xây sau đình Phú Mỹ một thời gian.

Miếu Ông Gốc tọa lạc trên một vùng gò giữa đồng rộng khoảng 270m<sup>2</sup> cạnh sông Đồng Môn, mặt quay ra sông. Khởi dựng dinh chỉ là một ngôi miếu nhỏ bằng tranh tre nứa lá, cột gỗ, vách ván... được dân làng dựng lên thờ Ông Gốc. Trải qua các lần trùng tu sửa chữa, dinh Ông Gốc có diện mạo như ngày nay. Dinh có mặt bằng tổng thể kiến trúc dạng chữ tam gồm hai phần thảo bực, chánh điện và nhà hậu. Hai hạng mục này được xây dựng theo kiểu kiến trúc tứ trụ, mái bánh ít lợp ngói tây. Từ ngoài nhìn vào, ta thấy sự trang nghiêm của ngôi miếu. Trên mái có trang trí cá hóa long, lưỡng long tranh châu, lân... tất cả bằng gốm men xanh.

#### **\* Chùa Phú Quang:**

Chùa Phú Quang được thầy Thích Chí Quang khởi dựng vào khoảng năm 1957 để thờ Phật và đáp ứng nhu cầu của những người dân tín ngưỡng Phật giáo ở Phú Hội. Chùa tọa lạc tại ấp Phú Mỹ 2, xã Phú Hội trên ngọn gò đồi rộng 2.000m<sup>2</sup>. Mặt chùa nhìn ra lộ 769, hướng về phía sông Đồng Môn. Trải qua các lần trùng tu, sửa chữa, hiện nay chùa có một Chánh điện được xây dựng với kiến trúc nhà ống, mái chông diêm, trên nóc mái có trang trí rồng châu pháp luân. Các đầu đao uốn cong trang trí rồng, hoa lá, sen dây.

Mặt tiền Chánh điện dọc theo các cột có đắp nổi rồng, cần mảnh gốm. Trên các cửa ra vào có trang trí các bao lam cần gốm với các đề tài sen, hoa lá và chữ Phạn.

Phía trước sân chùa có đặt tượng phật Quan Âm. Bên trong Chánh điện bài trí tượng thờ theo Phật giáo Bắc Tông như Phật Thích ca, Địa tạng, Bồ tát, Tiêu điện, Hộ pháp.





Nhìn chung, chùa Phú Quang có kiểu kiến trúc nhà ống với cách trang trí chủ đạo là đắp nổi và cẩn mảnh gốm tạo nên vẻ cổ kính cho ngôi chùa. Đây là công trình kiến trúc Phật giáo ra đời sớm nhất và đẹp nhất ở Phú Hội. Chùa đã đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng Phật giáo của người dân vùng đất này.

### **\* Tịnh thất Thọ Quang**

Tịnh thất Thọ Quang được xây dựng vào khoảng năm 1979 do thầy Thích Minh Khương ở Phú Hội xây dựng để thờ Phật và tu tại gia. Tịnh thất tọa lạc trên một vùng gò đồi thấp, yên tĩnh ở ấp Phú Mỹ 1, xã Phú Hội.

Tịnh thất Thọ Quang có kiến trúc đơn giản theo kiểu nhà ống, mái lợp tôn, tường được xây bằng gạch. Bên trong Chánh điện bài trí tượng Thích Ca, Quan Âm, Thế chí Tiêu diện, Hộ pháp, Địa tạng và Bồ đề Đạt ma. Phía trước sân có tượng Quan Âm và tượng Phật Di lặc. Bên hông trái tịnh thất là một dãy nhà ngang cho thầy Trụ trì và Tăng ni ở.

Nhìn chung Tịnh thất Thọ Quang có kiến trúc xây dựng đơn giản, không có trang trí, chạm khắc, đắp nổi hay cẩn mảnh gốm. Khuôn viên tịnh thất rộng và có nhiều cây cối tạo nên sự yên tĩnh cho cảnh chùa.

### **\* Nhà thờ Mỹ Hội**

Do một nhóm nhỏ giáo dân sinh sống ở Gò Nông Xóm Vườn lập nên vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Năm 1879 Cha Phêrô Đoàn Công Triệu được bổ nhiệm về quản lý giáo dân Phú Hội. Từ năm này Giáo xứ Mỹ Hội chính thức ra đời đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng cho giáo dân.

Cuối thế kỷ XIX, Nam bộ trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Linh mục Henriléméc thuộc hội thừa sai Bale được bổ nhiệm về làm Chánh xứ Mỹ Hội. Đến năm 1893 Cha xứ Henriléméc cho dời Nhà thờ về vị trí mới ngày này. Từ đó đến



nay, Nhà thờ Mỹ Hội có một vài lần trùng tu sửa chữa nhỏ, không làm thay đổi nhiều kiến trúc ban đầu.

Nhà thờ Mỹ Hội được xây dựng trên một vùng gò đồi đất cao rộng khoảng 10 ha theo lối kiến trúc Gô-tích với những tháp nhọn nhô cao ở mặt tiền thánh đường và bên hông thánh đường. Thánh đường là một nhà ống dài gồm có năm gian. Hệ thống cột trong thánh đường được làm bằng gỗ. Mái lợp ngói vảy cá. Nền lát gạch tàu. Nội thất thánh đường được chia thành hai gian cung Thánh và ba gian giáo dân dự lễ. Ở gian cung thánh bài trí ba tượng gồm tượng Chúa Giêsu chịu nạn ở gian chính, hai bên là tượng Đức mẹ Maria và tượng Thánh Giêsu. Trên các hàng cột dọc hai bên sát tường có bài trí các bức tranh chúa Giêsu.

#### \* Nhà cổ

Mật độ các ngôi nhà mà ngày nay chúng ta gọi là nhà cổ ở vùng đất Phú Hội xưa kia tương đối cao. Tuy nhiên hiện nay ở đây còn khoảng 17 ngôi nhà được xem là nhà cổ. Trong đó có 5 ngôi nhà nằm trong tổng số 25 ngôi nhà cổ tiêu biểu của tỉnh Đồng Nai.



Nhà cổ ông Đào Trí Mỹ Nhân (Hội đồng Liêu)



Những ngôi nhà này hầu hết được xây dựng từ những thập niên cuối thế kỷ XIX và những thập niên đầu thế kỷ XX. Chẳng hạn như nhà bà Mã Thị Tám (1890), nhà ông Đào Trí Mỹ Nhân (Hội đồng Liêu) (1900), nhà ông Nguyễn Phong Lưu (1900), nhà ông Lê Thanh Thiện (1900)...

Trong các ngôi nhà cổ ở Phú Hội, việc trang trí nội thất ở gian chính yếu này được tập trung chú ý hàng đầu là mảng dài suốt cả ba gian nối liền dãy các đầu cột hàng nhứt. Mảng này cấu tạo bởi bốn cây cột chính nên luôn được chia thành ba mảng nhỏ: mảng chính ở gian giữa và hai mảng phụ ở hai căn bên; luôn được thiết kế đối xứng nhau. Ở mỗi mảng trang trí này là một thể kết hợp trong các dải nằm ngang gồm các khuôn bông vuông và hình chữ nhật; ở đó có thể là các bức chân song đơn giản hoặc các trụ đứng dạng con lon bằng gỗ tiện, các bức chạm thủng hình kỹ hà hoặc hoa văn tự dạng, hoa lá, chim bướm, các bức chạm lõng các đề tài truyền thống quen thuộc như long lân quy phụng, lựu phật thủ, hoa phù dung, hoa mẫu đơn, sen cá, mai điều, tùng lộc... Bên dưới mảng trang trí này (giới hạn bởi xà ngang và hai cột) là một bao lam áp sát vào cột hoặc gắn vào một khuôn có gờ chỉ nổi hay mảng phù điêu nhỏ chạm trở công phu.

Trong hầu hết các trường hợp, các đầu kèo đều là kèo đoạn, kèo hông tượng là loại kèo được đẽ gọt thành hình dáng có kiểu thức nhất định. Đặc biệt ở đầu kèo đôi khi tạo dáng đầu rồng. Các đầu kèo nhô ra ngoài lại có một tấm chắn gọi là lá dung được chạm trở công phu với những đường viền trang trí dây lá cách điệu và các mảng phù điêu thể hiện nhiều đề tài phong phú. Tương tự, trính cũng được gọt đẽo theo các kiểu thức nhằm tạo nên một độ cong hình uốn lượn; trống cũng được tiện thành bộ chày cối có phần cách điệu.

Nhìn chung, tập hợp các mảng trang trí, các bộ phận kiến trúc được tạo hình và chạm khắc cùng hệ thống hoành phi, liễn đối... đã tạo nên hiệu quả trang trí nội thất của ngôi nhà cổ ở Phú Hội cũng như nhà cổ xứ Nam bộ.



**\* Nghề thủ công truyền thống**



*Nghề tráng bánh tráng ở Phú Hội*

Sau cuộc kinh lược vùng đất phương Nam của Nguyễn Hữu Cảnh, số di dân vào vùng đất mới này ngày càng đông chủ yếu là dân vùng Ngũ Quảng. Việc sinh cơ lập nghiệp được áp dụng theo kinh nghiệm sống của người dân vùng Ngũ Quảng; bằng chứng là họ đã thấy vùng đất hoang vu này một tiềm năng về trồng trọt chăn nuôi và đánh bắt cá. Đây là một vùng đất trù phú, màu mỡ, thuận lợi cho việc trồng lúa nước và cây ăn trái. Họ đến đây đã mang theo nền văn minh lúa nước từ lâu đời của dân tộc tổ tiên và sống có tổ chức hơn. Cùng với việc mang theo nền văn minh lúa nước, nghề thủ công mộc, bánh tráng, bún, trà, cau khô, rượu... cũng theo vào vùng đất Phú Hội này và phát triển mạnh khi nhu cầu sinh hoạt của làng xã tăng lên. Họ cất nhà cửa để ở, xây đình chùa, miếu mạo... để có nơi tín ngưỡng, chế tạo đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, làm bánh tráng, bún, trà, cau khô, rượu để để văn hoá ẩm thực phong phú... ngày càng nhiều, nghề thủ công chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống cộng đồng và tham gia vào nhu cầu trao đổi hàng hóa và lưu truyền tới ngày nay trong sự thăng trầm của lịch sử Phú Hội - Nhơn Trạch.





Bên cạnh đó, địa danh này còn nổi tiếng với câu ca:

Nước mạch Bà, trà Phú Hội

Vùng đất Phú Hội với điều kiện địa lý đặc thù thường xuất hiện những mạch nước ngầm tự phun lộ thiên tạo nên những dòng chảy trong và mát. Người dân địa phương khai thác nguồn nước này sử dụng trong sinh hoạt và tưới tiêu. Những loại cây trồng nhờ mạch nước này xanh tươi quanh năm. Có thể do thổ nhưỡng và nguồn nước mạch này mà cây trà khi trồng tại Phú Hội có hương vị và mùi thơm đặc biệt. Phú Hội còn nổi tiếng với các loại trái cây danh tiếng của miền Đông Nam Bộ như: Chôm chôm, sầu riêng, dâu da... ở xóm Hố, xóm Vườn.



*Vườn cây ăn trái ở Phú Hội*





## PHẦN B

# Ý KIẾN GÓP Ý KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC GIỮ GÌN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI VĂN MINH, GIÀU ĐẸP

### **I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ:**

#### **1. Thực trạng công tác quản lý:**

Hiện nay, mặc dù nhận thức của các ngành, các cấp về giá trị của di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đình Phú Mỹ và trách nhiệm của toàn xã hội đối với di tích đã được nâng cao tuy nhiên chưa sâu sắc, toàn diện và cũng chưa được cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch và chương trình cụ thể. Ban Quý tế đình Phú Mỹ mặc dù có số lượng khá đông, tuy nhiên đều là những người làm việc không chuyên, tuổi cao, sức yếu, vai trò chính vẫn là thực hiện các nghi lễ cúng trong đình. Chưa có một bộ máy chuyên ngành, chuyên quản nên công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn rất yếu và không có hiệu quả, tình hình quản lý an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường chưa đảm bảo.

#### **2. Công tác thuyết minh, giới thiệu tại di tích**

Công tác thuyết minh, giới thiệu tại di tích đình Phú Mỹ chưa được làm một cách khoa học, bài bản. Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch, dịch vụ tại di tích. Tại di tích chưa có người thuyết minh,



hướng dẫn vì vậy khách tham quan khó có thể tìm hiểu sâu rộng, đầy đủ về di tích điều đó dẫn đến sự nhầm chán vì chỉ đi xem mà không hiểu, không cảm nhận được giá trị của di tích. Chính vì không hiểu, không cảm nhận được hết các giá trị của di tích nên du khách cũng khó lòng quảng bá đến với người khác.

### **3. Công tác tuyên truyền, quảng bá di tích**

Hiện nay, di tích đình Phú Mỹ chỉ được đề cập với những thông tin liên quan trong chừng mực nhất định trên các phương tiện thông tin đại chúng, hầu như chỉ bó hẹp trong những nhà làm văn hóa, một số nhà nghiên cứu, người dân lớn tuổi tại địa phương và khi di tích có tổ chức những sự kiện liên quan. Công tác tuyên truyền về di tích chưa được chú trọng, thông tin về di tích còn hạn chế, chưa thực hiện được các loại hình sản phẩm như: tờ rơi, tờ gấp, sách giới thiệu di tích, ảnh di tích, phim tư liệu, băng đĩa... do đó chưa tạo ra sức hấp dẫn, thu hút du khách. Công tác giới thiệu di tích trên Internet cũng còn hạn chế, chưa xây dựng được website di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đình Phú Mỹ để tuyên truyền, giới thiệu do đó du khách muốn tra cứu trên mạng cũng gặp nhiều khó khăn, hoặc tìm không được, hoặc nếu có thì sơ lược, mang tính tham khảo, chưa khái quát hết được các giá trị của di tích. Các loại bản đồ du lịch, bản đồ giới thiệu về di tích - danh thắng tuy đã có nhưng lại chưa phổ biến, khách du lịch tìm mua cũng chẳng được vì hầu như chỉ mang tính chuyên ngành, chủ yếu sử dụng cho các cơ quan quản lý chứ chưa mang ra thị trường.

### **4. Thực trạng và điều kiện phát triển du lịch**

Đình Phú Mỹ nằm trong không gian “Làng cổ Phú Hội” đang được Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai phối hợp với tổ chức JICA Nhật Bản (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản) lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia và hỗ trợ khai thác hiệu quả các nguồn lực và tiềm năng du lịch sẵn có tại chỗ nhằm phát triển kinh tế nông thôn trong khuôn khổ



dự án hỗ trợ phát huy vai trò cộng đồng trong phát triển bền vững tại Việt Nam thông qua du lịch di sản. Trước Làng cổ Phú Hội, tổ chức JICA đã hỗ trợ lập hồ sơ xếp hạng hai di tích cấp Quốc gia (đã được công nhận) là Làng cổ Đường Lâm (Thị xã Sơn Tây, Tp. Hà Nội) và làng cổ Phước Tích (huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Hiện nay tổ chức JICA phối hợp với ngành văn hóa tỉnh Tiền Giang đang tiếp tục trình hồ sơ để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, công nhận làng cổ Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Một chuyến tham quan cuối tuần ở làng cổ thật hấp dẫn với những du khách thích khám phá về di sản văn hóa Phú Hội như đình Phú Mỹ, đình Mỹ Hội, Nhà thờ Mỹ Hội, Miếu Giang Lò, Dinh Ông Gốc. Buổi trưa du khách ghé vườn cây ăn trái trĩu quả với các loại chôm chôm, sầu riêng, dâu da... nghỉ ngơi và thưởng thức các món ăn dân dã, đặc sản của vùng quê Phú Hội. Ghé thăm các cơ sở nghề thủ công truyền thống như tráng bánh tráng, nghề mộc, làm bún, nấu rượu... và đặc biệt thưởng thức trà Phú Hội (loại trà nổi danh nơi đây) cùng với các loại bánh dân dã nơi đây sẽ làm ấm lòng du khách phương xa.

Trong tương lai, ngành văn hóa Đồng Nai cần xây dựng một cơ chế quản lý hợp lý nhằm đưa các hoạt động du lịch theo hướng phát triển bền vững trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng về tự nhiên và nhân văn.

## **5. Thực trạng bảo quản, trùng tu di tích**

Từ khi khởi dựng đến nay, đình Phú Mỹ trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa tuy nhiên do nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hạn hẹp, công tác vận động kinh phí xã hội hóa chưa thật sự mang lại hiệu quả nên công tác trùng tu, tôn tạo di tích hiện nay mang tính chất sửa chữa nhỏ theo kiểu “hư đâu sửa đó”. Qua khảo sát cho thấy di tích đình Phú Mỹ đã bị xuống cấp nghiêm trọng, mái ngói bị xô lệch, dột nát, hệ thống cột kèo, rui mè và các cấu kiện gỗ trong di tích bị mối mọt xâm hại nặng.



Việc quy hoạch tổng thể di tích đình Phú Mỹ chưa được thực hiện, trùng tu, tôn tạo các hạng mục trong di tích còn mang tính tự phát. Do đó, nhìn tổng quan di tích chưa có sự hài hòa, khoa học và mỹ thuật.

## **6. Công tác xã hội hóa tại di tích**

Công tác xã hội hóa không những sẽ huy động được một nguồn lực tài chính dồi dào trong nhân dân mà còn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục truyền thống, góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc trên quê hương mình.

Hiện nay, di tích đình Phú Mỹ đã xuống cấp nghiêm trọng đòi hỏi phải sớm xây dựng kế hoạch trùng tu, tôn tạo nhằm kéo dài tuổi thọ cho di tích. Tuy nhiên nguồn ngân sách của Nhà nước cấp cho các dự án trùng tu, tôn tạo và chống xuống cấp rất hạn hẹp, nếu không có nguồn lực xã hội hóa thì đây là một bài toán cực kỳ nan giải.

Theo thống kê của Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh, 10 năm trở lại đây đình Phú Mỹ chỉ vận động xã hội hóa một lần vào năm 2006 với nguồn kinh phí 70.000.000 đồng để tu sửa Nhà khách. Bên cạnh đó chủ yếu là vận động đóng góp kinh phí thực hiện việc cúng kiếng trong đình. Như vậy, chúng ta thấy một thực tế rằng hiện nay mặc dù kinh tế - xã hội phát triển, ý thức của người dân về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích ngày một nâng cao nhưng công tác vận động xã hội hóa tại di tích đình Phú Mỹ chưa thật sự phát huy hết khả năng, hiệu quả mang lại chưa cao.

## **II. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ:**

Sự tiên bộ của xã hội ngày nay, đã nhận thức được rằng, di tích lịch sử - văn hóa là do trí tuệ, năng lực sáng tạo của nhiều tầng lớp lao động tạo ra, chứ không phải là do một số người trong giai cấp áp bức, bóc lột tạo ra. Vì vậy, phải đem di



tích lịch sử - văn hóa trở về với quần chúng lao động sáng tạo. Mặt khác, di tích lịch sử - văn hóa là nơi kết tinh những giá trị văn hóa, khoa học súc tích, giá trị thẩm mỹ cao, giá trị giải tỏa tâm linh rất lớn... Vì vậy không thể bảo tồn di tích như xưa, đóng cửa im ỉm, “khur khur như ông từ giữ đền”, phục vụ một nhóm người áp bức, bóc lột. Bảo tồn di tích tiến bộ xã hội chủ nghĩa ngày nay, cùng với nhiệm vụ giữ gìn sao cho nguyên gốc di tích tồn tại lâu dài, còn phải khai thác, sử dụng khả năng phong phú của di tích, phục vụ nghiên cứu phát triển khoa học, phục vụ tham quan thưởng ngoạn của mọi tầng lớp nhân dân trong nước và quốc tế, phát triển du lịch tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên cơ sở đánh giá những giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học của di tích; căn cứ vào thực trạng quản lý và sử dụng di tích, cần có những giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di tích đình Phú Mỹ như sau:

**1. Các cơ sở pháp lý triển khai phương án bảo tồn và phát huy giá trị di tích:**

- Luật Di sản văn hóa năm 2001 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2002);
- Quyết định số 1706/2001/QĐ- BVHTT ngày 24/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch) về việc phê duyệt tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;
- Quy chế tổ chức lễ hội (ban hành kèm theo Quyết định số 39/2001/ QĐ- BVHTT ngày 23/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;
- Chỉ thị số 22 ngày 01/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc “bảo vệ di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh”;
- Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ);





- Luật Di sản văn hóa được sửa đổi bổ sung năm 2009 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010);
- Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 21/01/2011 quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;
- Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

## **2. Tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực**

Trước đây, di tích đình Phú Mỹ được giao cho Ban Quý tế đình quản lý, hầu hết là các bô lão ở địa phương chủ yếu phục vụ cho việc tổ chức và thực hiện các nghi thức tế lễ do đó công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích hầu như chưa được thực hiện. Để quản lý, sử dụng và phát huy tốt giá trị của di tích trước mắt nhu cầu đòi hỏi cấp thiết phải thành lập Tổ Quản lý di tích đình Phú Mỹ. Tổ Quản lý di tích là tổ chức hoạt động tự nguyện do nhân dân bầu ra trực thuộc UBND xã Phú Hội, hoạt động bằng nguồn kinh phí tự có của đình và một phần kinh phí hỗ trợ của UBND xã Phú Hội. Tổ quản lý có chức năng tham mưu cho UBND xã Phú Hội quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo tồn, quản lý, khai thác di tích theo Luật Di sản Văn hóa và văn hóa truyền thống của địa phương; thực hiện vận động xã hội hóa di tích trong công tác bảo quản, tôn tạo di tích.

Tổ Quản lý di tích đình Phú Mỹ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của UBND xã Phú Hội; Ban Quản Lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Quản Lý Di tích - Danh thắng



Đồng Nai. Tổ Quản lý có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước huyện Nhơn Trạch; Trụ sở đặt tại di tích đình Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tổ quản lý di tích đình Phú Mỹ hoạt động theo chế độ thủ trưởng, cơ cấu tổ chức gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 04 thành viên đại diện của các tổ chức chính trị (Hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, hội người cao tuổi và đoàn thanh niên) thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tổ quản lý di tích đình Phú Mỹ có trách nhiệm phát hiện ngăn chặn và lập biên bản đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại, hủy hoại tới di tích như: Vẽ bậy, bôi bẩn, phơi áo quần lên hàng rào di tích, tụ tập gây rối làm mất an ninh trật tự trong khuôn viên di tích, lấn chiếm, chiếm dụng đất di tích làm của riêng, lấy cắp hoặc buôn bán hiện vật trong di tích, làm vỡ ngói, nứt tường, chặt hoặc làm gãy cây...

- Phối hợp với công an xã Phú Hội xử lý kịp thời các hoạt động mê tín dị đoan tại di tích, giữ gìn an ninh trật tự tại di tích;

- Kịp thời bảo quản, tu bổ, gia cố những hư hỏng nhỏ, đột xuất do thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn hoặc do con người cố ý hay vô tình gây nên;

- Cử người thường xuyên có mặt tại di tích (ông Từ) để trông coi, vệ sinh, nhang khói đón khách tham quan (người giữ di tích phải có thái độ ân cần, niềm nở, chu đáo đối với khách tham quan);

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai để tuyên truyền, thuyết minh di tích đối với các đoàn khách mang tính chất tập thể, các đoàn khách nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu tại di tích;



- Phối hợp với Ban Quý tế đình tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm tại di tích phục vụ nhân dân địa phương;

- Phối hợp với Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch, Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Nhơn Trạch, UBND xã Phú Hội, Ban Quý tế đình tổ chức tốt các lễ hội phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên, ngoài trách nhiệm, chức năng và tâm huyết, thành viên Tổ quản lý di tích cũng cần được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, bảo tồn và phát huy di tích, Luật Di sản văn hóa. Nhân kỷ niệm ngày Di sản văn hóa Việt Nam 23/11 hàng năm, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai tổ chức các lớp tập huấn, mời các Giáo sư đầu ngành, lãnh đạo Cục Di sản văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chuyện chuyên đề về Luật Di sản văn hóa, công tác trùng tu, tôn tạo di tích, hoạt động xã hội hóa di tích, công tác tổ chức và quản lý lễ hội... đây là cơ hội để các cán bộ Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch, cán bộ văn hóa các xã Phú Hội và các thành viên Tổ Quản lý, Ban Quý tế di tích đình Phú Mỹ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từ nguồn nhân lực qua đào tạo, quá trình quản lý di tích đình Phú Mỹ sẽ đạt hiệu quả khi có sự nhận thức, phối hợp chặt chẽ của địa phương, cơ quan chuyên môn.

### **3. Công tác bảo quản, trùng tu, tôn tạo di tích:**

- Hàng năm cần lập kế hoạch và dự toán kinh phí xử lý định kỳ mỗi một, năm mốc nhằm bảo quản các cấu kiện gỗ, đồng thời kéo dài tuổi thọ di tích.

- Quy hoạch tổng thể di tích trên cơ sở bảo tồn những yếu tố gốc, xây dựng những hạng mục mới nhưng không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của di tích, không làm mới hoặc biến dạng di tích. Đảm bảo vừa hài hòa, vừa có tính khoa



học và mỹ thuật. Những công trình mới cần có sự thống nhất giữa các cấp ngành, đặc biệt phải trung cầu, lấy ý kiến quần chúng nhân dân.

- Trong quá trình tu sửa di tích cần phải tôn trọng dấu ấn thời đại của di tích có nghĩa là không làm trẻ hơn hoặc cũ hơn đi, đảm bảo tính xác thực trên các mặt kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng sử dụng chất liệu như trong đồ án xây ban đầu.

- Phải chú trọng đến các lớp làm thêm sau này mà thấy chúng có ý nghĩa lịch sử hoặc có giá trị thẩm mỹ. Có thể trong một tổng thể di tích đình Phú Mỹ có nhiều công trình xây dựng và hình thành trong nhiều thời điểm khác nhau. Vì vậy một nguyên tắc đặt ra không vội vàng gạt bỏ mọi yếu tố không cùng thời đại song có nhiều giá trị về mặt lịch sử, khoa học, nghệ thuật.

- Để tiến hành tu sửa di tích phải nghiên cứu toàn diện mọi mặt của di tích, nghiên cứu các di tích cùng thời với nó để thấy được kiểu dáng thời đại, đó cũng là những tư liệu bổ sung so sánh bổ ích cho việc lập đồ án tu sửa di tích.

- Công tác trùng tu, tôn tạo phải có sự tham gia của các chuyên gia có trình độ kỹ thuật cao, óc thẩm mỹ và vốn kiến thức sâu rộng về lĩnh vực văn hóa. Đặc biệt phải thực hiện đúng Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, nhà tiếp khách, nhà bếp, hệ thống phòng cháy, chữa cháy... được phép xây dựng nhưng phải nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích (khu vực I - khu vực bất khả xâm phạm) và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan của di tích.



- Hằng năm cần lập dự toán kinh phí đầu tư thực hiện trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp di tích. Vốn đầu tư cho công tác trùng tu, tôn tạo cũng có nhiều nguồn: vốn Trung ương cấp từ Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn từ nguồn ngân sách của tỉnh và đặc biệt là vốn từ nguồn huy động xã hội hóa...

- Trong phạm vi di tích, hệ thống cây xanh phân tầng đa dạng; trong đó, hệ thống cây dầu cổ thụ được bảo tồn là nét một đặc trưng của đình làng Nam Bộ hay ở Biên Hòa - Đồng Nai. Thế nhưng, đặc điểm môi trường này làm thiếu ánh sáng, độ ẩm cao vào mùa mưa, tạo điều kiện cho vi sinh vật, côn trùng phát triển làm ảnh hưởng đến thành tố gỗ của kiến trúc di tích. Vì vậy, cảnh quan di tích cần được quan tâm trong việc phát quang, kịp thời xử lý các vi sinh vật gây hại và làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy. Quy hoạch phát triển hệ thống cây xanh cần chú ý đến thực vật, cây cảnh phù hợp với thổ nhưỡng, tạo cảnh quan hài hòa.

- Di tích lịch sử - văn hóa là tài sản quốc gia, nên hoạt động bảo tồn di tích trước tiên mang tính chất nhà nước. Nhà nước mới có đủ thẩm quyền và điều kiện, tạo cơ sở pháp lý, tổ chức cán bộ, kinh phí và mọi biện pháp khoa học, kỹ thuật cho hoạt động bảo vệ di tích. Tuy nhiên, trong hoạt động bảo tồn di tích tính quần chúng được coi trọng như một nguyên tắc. Nhà nước thực sự dựa vào khả năng mọi mặt của quần chúng nhân dân. Trình độ kinh tế, văn hóa của nhân dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu tìm hiểu về di tích lịch sử - văn hóa trong nhân dân ngày một nhiều, quần chúng nhân dân có thể tự tổ chức giữ gìn, sử dụng di tích trong đời sống văn hóa của mình. Vì vậy, những hoạt động bảo tồn di tích của quần chúng cần được pháp luật nhà nước đảm bảo, khuyến khích, hỗ trợ và giúp đỡ về mọi mặt. Giữ gìn di tích là công việc hết sức khó khăn và phức tạp. nếu không được pháp luật bảo đảm thì không thể tiến hành được. Những quy định về quyền bất khả xâm phạm đối với di tích, những quy định về khoanh vùng bảo vệ... tất cả đều là cơ sở pháp lý cho việc gìn giữ di tích.





- Di tích tồn tại bằng những hiện trạng vật chất cụ thể. Muốn cho di tích tồn tại nguyên vẹn lâu dài, cần phải liên tục tác động vật chất cụ thể vào di tích. Đó là việc sử dụng những giải pháp khoa học kỹ thuật, áp dụng những thành tựu tiên tiến về các ngành khoa học vật lý, hóa học, sinh học... trong việc bảo quản, tu sửa, phục hồi, xây dựng bổ sung thêm ở di tích. Tùy theo tính chất ở mỗi loại di tích, mà cho phép cán bộ hoạt động bảo tồn di tích sử dụng những giải pháp kỹ thuật, mỹ thuật tác động vào di tích. Để làm sao, nhân dân, các nhà khoa học đến tham quan, nghiên cứu di tích, luôn nhận biết được giá trị nguyên gốc, khi sự kiện lịch sử mới xảy ra ở di tích, nhân vật lịch sử vừa mới rời khỏi di tích, tiếng nói mỹ thuật ở thời đại sáng tạo ra di tích. Những yêu cầu này, mang tính chất nguyên tắc trong chức năng gìn giữ di tích.

#### **4. Phát huy giá trị lễ hội truyền thống**

Lễ hội đình ở Nam Bộ nói chung, đình Phú Mỹ nói riêng là nét sinh hoạt văn hóa truyền thống của người dân, không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần, tín ngưỡng mà còn gắn kết cộng đồng với nhau, được bảo lưu, gìn giữ và duy trì cho đến hôm nay. Các lễ tiết trong năm nói chung, đặc biệt lễ hội Kỳ yên nói riêng ở đình Phú Mỹ vẫn được bảo lưu những nghi thức truyền thống “xưa bày nay giữ”, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của người dân. Đó là ứng xử của con người Phú Hội đối với thần linh, với tổ tiên, với thế hệ cha ông đi trước, với những người có công với làng xã... đồng thời cũng là ứng xử của con người trong địa phương, trong các mối quan hệ xã hội. Việc tôn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây hơn 40 năm, làm phong phú thêm đối tượng thờ cúng và những nghi thức, ngày lễ liên quan trong đình và phản ánh tấm lòng của người dân đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Đây là nét độc đáo của đình Phú Mỹ trong quá trình hình thành và phát triển.



Những giá trị từ lễ hội truyền thống ở đình Phú Mỹ cần được gìn giữ, bảo vệ sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của Nhơn Trạch, của Đồng Nai. Vì vậy, trong những lễ tiết tại di tích, ngoài việc bảo lưu những yếu tố truyền thống cần định hướng việc bổ sung những yếu tố phù hợp để phát huy trong đời sống xã hội ở điều kiện mới. Lễ hội đình Phú Mỹ cần gắn kết chặt chẽ với cộng đồng cư dân địa phương, người dân tự nguyện tham gia và cảm nhận được sự “hiện diện” trong lễ hội. Các cơ quan hữu trách ngoài việc quản lý theo chức năng, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn trước những điều theo luật quy định nhưng không can thiệp hay hành chính hóa công tác tổ chức hoặc sân khấu hóa lễ hội. Những nghi thức liên quan đến tế lễ thần linh, danh nhân cần tuân thủ sự nghiêm ngặt theo lệ truyền để giữ tính tôn nghiêm. Phần hội cần được xem xét một cách khoa học, để bổ sung những sinh hoạt có ý nghĩa thiết thực thu hút người dân tham dự.

Tùy thuộc vào lễ tiết tại di tích, cơ quan chức năng cần duy trì các hình thức văn nghệ để tuyên truyền di sản văn hóa, tinh thần yêu nước, truyền thống đạo lý, nét đẹp nhân văn... nhằm góp phần trong công tác xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Lễ hội Kỳ yên là nét sinh hoạt tín ngưỡng đáp ứng được nhu cầu tinh thần của người dân. Trong điều kiện xã hội phát triển, hướng đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa song những sinh hoạt văn hóa ở đình làng vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của người dân. Bên cạnh việc bảo lưu những nghi thức truyền thống, phần hội của lễ Kỳ yên tại di tích cần có những hoạt động trong thi đấu với sự tham gia của người dân (thi đấu thể thao, thi nấu ăn, làm bánh, ẩm thực...) nhằm giới thiệu, giao lưu văn hóa và người dân có điều kiện hưởng thụ văn hóa một cách có ý nghĩa thiết thực.

Ngoài những đêm tổ chức tuồng hát bội theo lệ tại di tích, cần tổ chức giao lưu sinh hoạt của các đội văn nghệ trong và ngoài địa phương. Trong đó, chú ý tổ chức các loại hình văn nghệ như: Đờn ca tài tử, hát giao duyên, hò cấy, hò chèo



ghe, hát ru... gắn liền với đặc điểm vùng nông thôn của vùng miệt hạ sông Đồng Nai. Các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ được tổ chức không chỉ làm “sống lại” những vốn văn hóa dân gian tưởng chừng như “vắng bóng, mất đi” mà còn giới thiệu, khơi gợi cho thế hệ trẻ biết được những loại hình nghệ thuật của cha ông. Trong các lễ tiết kỷ niệm danh nhân, cơ quan chức năng cần tuyên truyền, tổ chức tìm hiểu về lịch sử địa phương, danh nhân.

### **5. Quản lý và phát triển các hoạt động du lịch bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.**

Khai thác du lịch đình Phú Mỹ hiện nay phải gắn kết với phát triển du lịch bền vững làng cổ Phú Hội. Du lịch bền vững là tổng hợp các hợp phần cần thiết cho hoạt động du lịch và các mối liên hệ quần chúng tạo ra hoạt động vận hành để đạt được mục tiêu bền vững. Muốn thực hiện được mục tiêu này những người làm công tác quản lý di sản cần phải xây dựng đề án với các tiêu chí sau:

- Cần phải quản lý và đầu tư một cách hợp lý trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng về tự nhiên và nhân văn.

- Thống nhất hoạt động quản lý và giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn xung đột nảy sinh trong hoạt động kinh doanh du lịch.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, có tính cạnh tranh cao để thu hút khách du lịch.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch đa dạng và phù hợp với nhu cầu thị trường song không làm tổn hại đến sức chịu tải của tài nguyên.

- Tăng cường hoạt động quảng bá du lịch có trách nhiệm (quảng bá những gì có).

- Nâng cao đời sống cộng đồng, nhưng giao sở hữu hoặc vốn sống dựa vào những giá trị tài nguyên mà doanh nghiệp khai thác để phát triển sản phẩm du lịch.



- Quy hoạch du lịch, kiến trúc công trình phù hợp và cảnh quan thân thiện với môi trường.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, bao gồm cả lao động gián tiếp cung cấp các dịch vụ có liên quan để tạo ra những sản phẩm du lịch hoàn hảo, có chất lượng và hấp dẫn.

- Tăng cường kinh tế du lịch (tăng lợi nhuận) mà không làm suy thoái, tổn hại đến môi trường, bảo tồn được các giá trị văn hóa truyền thống bản địa.

- Phát triển du lịch gắn với bảo tồn các giá trị tài nguyên du lịch để đảm bảo cho sự phát triển lâu dài.

- Phối hợp với các Công ty du lịch và Trung tâm Xúc tiến Du lịch Đồng Nai hình thành tuyến điểm du lịch theo đường bộ tuyến Long Thành - Nhơn Trạch như tham quan lăng mộ Nguyễn Đức Ứng, Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa, Đình Phước Lộc, đình Phước Thiện, Địa đạo Nhơn Trạch, Ngã ba Giồng Sắn, đình Phú Mỹ và đặc biệt là không gian Làng cổ Phú Hội. Tổ chức thành các tour du lịch sinh thái gắn với du lịch văn hóa, du lịch về nguồn.

Là thiết chế tín ngưỡng dân gian của làng xã, gắn với quá trình phát triển của địa phương, giá trị về kiến trúc nghệ thuật và loại hình văn hóa phi vật thể, đình Phú Mỹ là một trong những tài nguyên trong phát triển du lịch của Đồng Nai. Đây là tài nguyên di sản văn hóa cần được khai thác một cách khoa học để đem lại hiệu quả trong công tác phát triển của địa phương. Những giải pháp trong công tác bảo tồn nhằm gìn giữ di tích trên một bình diện cụ thể song sẽ góp phần cho việc phát huy di tích trong gắn kết với hệ thống di sản văn hóa của vùng đất Long Thành - Nhơn Trạch nói riêng hay vùng đất Đồng Nai - Đông Nam Bộ nói chung.

Với những đặc điểm có tính độc đáo, di tích đình Phú Mỹ là địa điểm thuận lợi và lý thú thu hút du khách đến tham quan, góp phần tạo tuyến du lịch hấp dẫn. Trong định hướng phát triển du lịch Đồng Nai nói chung, Nhơn Trạch nói riêng cần



xác định di tích đình Phú Mỹ là một điểm nhấn trong tuyến du lịch về nguồn, hành hương, nghệ thuật, danh nhân... gắn kết với các di tích, địa điểm du lịch với những lộ trình phù hợp, đáp ứng nhu cầu của khách tham quan.

Khi gắn kết di tích đình Phú Mỹ trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Đồng Nai nói chung, huyện Nhơn Trạch nói riêng, hoạt động du lịch sẽ góp phần trong quảng bá di tích đình Phú Mỹ một cách sâu rộng, đồng thời tạo nguồn thu về kinh phí đáp ứng cho công việc bảo tồn di tích.

### **6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục.**

Tuyên truyền về giá trị di tích là một việc làm cần thiết và được duy trì thường xuyên bởi các cấp quản lý di tích từ cơ sở đến cơ quan chuyên môn. Công tác tuyên truyền sẽ hiệu quả hơn khi phối hợp với cơ quan truyền thông đến với các tầng lớp nhân dân. Những giá trị di tích đình Phú Mỹ trước hết được chính cộng đồng địa phương nhận thức và có ý thức gìn giữ vốn di sản văn hóa của cha ông.



*Bản đồ di tích- danh thắng tỉnh Đồng Nai*





Trước đây, di tích đình Phú Mỹ chỉ được đề cập với những thông tin liên quan trọng chừng mực nhất định trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông tin về di tích đình Phú Mỹ cũng còn hạn chế, hầu như chỉ bó hẹp trong những nhà làm văn hóa, một số nhà nghiên cứu, người dân lớn tuổi tại địa phương và khi di tích có tổ chức những sự kiện liên quan. Ngành văn hóa, trực tiếp là các cơ quan quản lý di tích cần phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền di tích sâu rộng hơn đến với các tầng lớp nhân dân. Nội dung tuyên truyền di tích đình Phú Mỹ cần được biên soạn một cách phổ quát. Để mọi người thuận lợi tiếp cận, lĩnh hội, nắm bắt thông tin về di tích một cách cụ thể. Chắc chắn, khi hiểu biết di tích, người dân địa phương sẽ có lòng tự hào và trách nhiệm hơn trong việc bảo tồn hay giới thiệu, tuyên truyền về Di sản văn hóa.

Quảng bá di tích đình Phú Mỹ trong thời gian qua chưa có định hướng và kế hoạch cụ thể. Vì vậy, cần có kế hoạch quảng bá di tích theo hệ thống di tích của địa phương, đồng thời các cơ quan chức năng cần hỗ trợ công tác in ấn tài liệu quảng bá về giá trị độc đáo di tích đình Phú Mỹ. Nội dung quảng bá di tích đình Phú Mỹ cần được đa dạng hóa loại hình sản phẩm như: tờ rơi, tờ gấp, sách giới thiệu di tích, ảnh di tích, phim tư liệu, băng đĩa liên quan kiến trúc, lễ hội có tính chất lưu niệm của di tích đình Phú Mỹ bày bán cho khách tham quan. Thực hiện các pano, áp phích về di tích trên các trục đường chính trong huyện Nhơn Trạch. Quảng bá các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương: ẩm thực, đặc sản, nông sản chế biến, thảo dược... Xây dựng website di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đình Phú Mỹ để tuyên truyền về giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc... phục vụ công tác nghiên cứu, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quảng bá trực tiếp đối với khách tham quan tại di tích bằng các loại hình sản phẩm độc đáo tạo nên cho du khách thích thú, ấn tượng tốt. Điều này sẽ giúp cho khách tham quan hiểu rõ hơn về di tích và qua đó, góp phần quảng bá đến với đối tượng khác.



Đối với thế hệ trẻ, đặc biệt là thanh niên, học sinh, cần có chiến lược tuyên truyền quảng bá di tích gắn liền với các chương trình giáo dục truyền thống, về nguồn. Để hoạt động này có hiệu quả cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa ngành văn hóa, giáo dục và các tổ chức đoàn thể của địa phương. Chú trọng đến việc tuyên truyền Di sản văn hóa, trong đó có loại hình di tích lịch sử đình Phú Mỹ trong nội dung các cuộc sinh hoạt, du khảo về nguồn, thi tìm hiểu giá trị văn hóa trên địa bàn của huyện Nhơn Trạch cho các đối tượng thanh niên, học sinh, công đoàn viên chức.

Căn cứ kế hoạch liên ngành giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan hữu trách huyện Nhơn Trạch đẩy mạnh và duy trì hoạt động của học sinh trong phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Trong đó, duy trì các hoạt động để học sinh có điều kiện tham quan, sinh hoạt tìm hiểu văn hóa tại di tích đình Phú Mỹ nói riêng, các di tích khác của huyện Nhơn Trạch nói chung, cùng tham gia trong công tác bảo vệ, chăm sóc, gìn giữ di tích.

Các địa phương, tổ chức đoàn thể... trong huyện Nhơn Trạch cần quan tâm chọn di tích đình Phú Mỹ để tổ chức các sinh hoạt liên quan đến giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ như: Tổ chức lễ kết nạp đội viên, đoàn viên, lễ tiễn đưa các tân binh mới lên đường làm nhiệm vụ, lễ dâng hương tưởng niệm, phát động phong trào quần chúng... Trong các sinh hoạt này, cần tổ chức những buổi nói chuyện chuyên đề về Di sản văn hóa địa phương, lịch sử địa phương, truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng, những câu chuyện liên quan đến lòng dân Phú Hội đối với Bác Hồ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ... Trong nghi thức tổ chức hành chính với những quy định liên quan trong nghi thức lễ tiết, các đối tượng tham dự có cơ hội tham quan di tích lịch sử, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc các thế hệ tiền nhân có công khai khẩn xây dựng quê hương, nhớ đến tổ tiên, các thế hệ đi



trước đã hy sinh vì đất nước trong hai cuộc kháng chiến, tưởng nhớ và ghi ơn, hiểu được tấm lòng của người dân Phú Hội đối với công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Từ đó, thế hệ trẻ thêm tự hào về cha ông, hiểu biết về truyền thống bất khuất của nhân dân, thêm lòng tự hào và lòng yêu quê hương, thể hiện trách nhiệm của mình đối với đất nước.

### **7. Nghiên cứu, sưu tầm Văn hóa phi vật thể**

Gắn với giá trị di sản vật thể, di tích đình Phú Mỹ còn ẩn chứa những giá trị di sản văn hóa phi vật thể cần được quan tâm nghiên cứu, sưu tầm. Di sản văn hóa này được lưu truyền qua bao thế hệ cư dân trong quá trình khai khẩn vùng đất Phú Hội. Những tập tục, nghi thức và nét đẹp sinh hoạt ở đình, của làng thôn xã ấp như phong tục tập quán, nghi thức cúng đình, văn tế, diễn xướng dân gian... như một mạch ngầm nối dòng chảy văn hóa qua các thời kỳ, được người dân gìn giữ, bảo lưu một cách tự nguyện. Trong điều kiện hiện nay, những giá trị di sản văn hóa phi vật thể đứng trước những nguy cơ mai một, thất truyền hoặc biến đổi bởi những tác động.

Vì vậy, các cơ quan hữu trách cần có kế hoạch sưu tầm kịp thời từ những người lớn tuổi am hiểu ở địa phương, ghi chép nguồn tư liệu dân gian liên quan đến đình Phú Mỹ, vùng đất và con người Phú Hội để bổ sung cho nguồn tư liệu của di tích. Các văn bản liên quan bằng chữ viết, nội dung hoành phi, liễn đối, giai thoại, truyện kể... liên quan cần được ghi chép, chú giải... Diễn trình lễ hội cần được ghi hình, thu âm một cách khoa học để lưu tồn trong các dạng thức sản phẩm, kỹ thuật công nghệ phù hợp tránh tình trạng thất truyền; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các công tác tuyên truyền và làm cơ sở cho việc nghiên cứu di tích sau này.

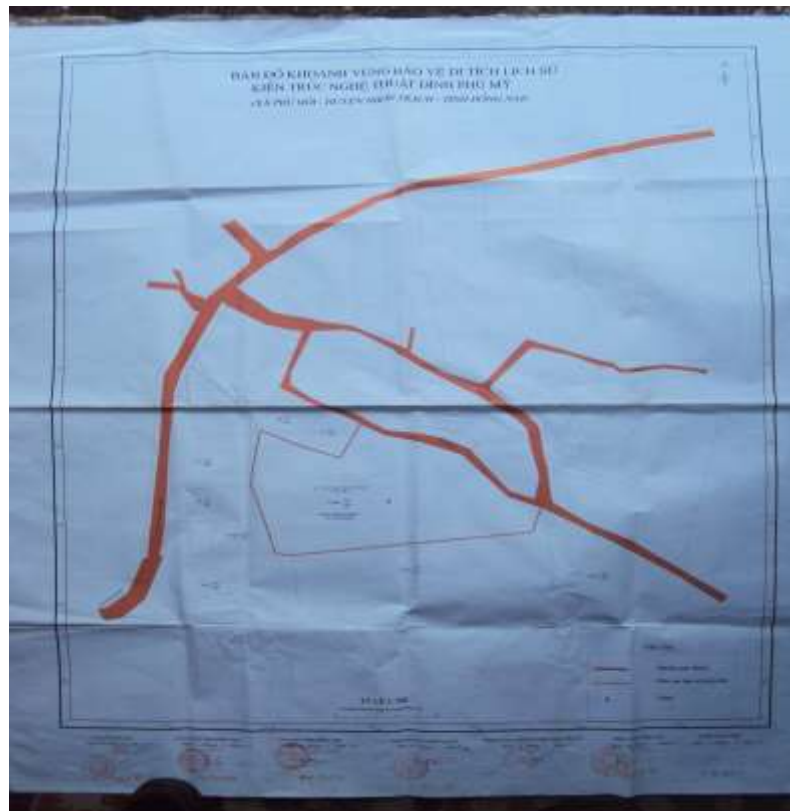
### **7. Quản lý sử dụng hiện trạng đất đai khoanh vùng bảo vệ**

Đình Phú Mỹ đã được UBND tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh (theo Quyết định số 3525/QĐCT.UBND ngày 10/10/2005). Trên cơ



sở bản đồ khoanh vùng bảo vệ, cần có phương án quản lý tốt diện tích đất của di tích hiện nay:

Theo biên bản khoanh vùng bảo vệ của hồ sơ di tích thì đình Phú Mỹ chỉ có khu vực bảo vệ I. Khu vực này gồm toàn bộ các di tích có trên thửa đất số 540, diện tích 7.338 m<sup>2</sup>. Khu vực bảo vệ I là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian. Trường hợp đặc biệt có yêu cầu xây dựng công trình trực tiếp phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, việc xây dựng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, việc xây dựng này không được làm ảnh hưởng đến các yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích (khoản 3, điều 32 Luật Di sản văn hóa sửa đổi bổ sung).



*Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích đình Phú Mỹ  
(ảnh chụp tại BQL. Di tích - Danh thắng tỉnh)*



## 8. Công tác thuyết minh

Tổ chức hướng dẫn, thuyết minh tham quan có vai trò quan trọng trong việc phát huy giá trị của di tích. Qua thuyết minh, khách tham quan cảm nhận giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và nghệ thuật của di tích một cách trực tiếp và chủ động. Ngoài đội ngũ thuyết minh được hỗ trợ từ các cơ quan chuyên môn khi tại di tích tổ chức sự kiện quan trọng, nhân lực quản lý di tích đình Phú Mỹ cần được bồi dưỡng nghiệp vụ thuyết minh. Nội dung thuyết minh về di tích cần được biên soạn một cách khoa học để những người thuyết minh sử dụng hiệu quả, phù hợp cho từng đối tượng tham quan.

Để phát huy tốt giá trị văn hoá - lịch sử di tích đình Phú Mỹ, về lâu dài những người làm công tác quản lý di tích cần đề ra các giải pháp đào tạo và nâng cao chất lượng của đội ngũ thuyết minh.

- Trước hết cần phải tiến hành cuộc khảo sát thực tế trên cơ sở đó xây dựng những chương trình đào tạo phù hợp, đào tạo dài hạn, ngắn hạn, bổ sung những yêu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ này. Hiện nay chúng ta chưa có một cơ sở đào tạo chuyên ngành về thuyết minh viên. Đội ngũ thuyết minh viên hiện nay được đào tạo với các chuyên ngành đa dạng khác nhau chủ yếu là: lịch sử, văn hóa, ngoại ngữ, du lịch. Vì vậy, bên cạnh kiến thức về chuyên ngành, chuyên môn, phải thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn để giúp thuyết minh viên cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và những vấn đề mới đang và sẽ đặt ra cho bản thân họ.

- Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc thi thuyết minh giỏi qua đó tuyển chọn được đội ngũ thuyết minh viên có trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó các thuyết minh viên có cơ hội, học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm lẫn nhau. Việc trao đổi thông tin, việc tìm kiếm thông tin của mỗi thuyết minh viên là rất quan trọng. Tri thức, nghiệp vụ được tìm kiếm qua đồng





nghệp, nhất là từ những đồng nghiệp giỏi hơn, có kinh nghiệm hơn là rất cần thiết. Các cuộc thi này cũng là dịp để đội ngũ thuyết minh viên nâng cao năng lực, phẩm chất, lòng yêu nghề và cũng là dịp xem xét, thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu cả năng lực và phẩm chất cần có.

- Cần thiết lập quan hệ hợp tác giữa các đơn vị quản lý di tích với các công ty lữ hành để tăng cường nắm bắt những nhu cầu lẫn nhau, trên cơ sở đó, cùng nhau phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn theo những yêu cầu cụ thể. Trong thực tế cả đội ngũ hướng dẫn viên và thuyết minh viên đều cần nắm vững những kiến thức chuyên ngành của nhau. Nếu như các thuyết minh viên cần hiểu rõ nghiệp vụ hướng dẫn, với những kỹ năng cơ bản cần thiết đối với hướng dẫn viên như cách nói rõ ràng, khúc chiết, diễn cảm, giới thiệu đầy đủ súc tích..., thì các hướng dẫn viên lại cần nắm vững những thông tin liên quan trực tiếp đến di tích. Chỉ có sự hợp tác chặt chẽ giữa đơn vị quản lý di tích với các nhà điều hành tour thì mới có thể xác định đúng những nội dung cần thiết để tổ chức bồi dưỡng cho thuyết minh viên của mình.

- Chú trọng công tác giáo dục bồi dưỡng đạo đức nghiệp vụ, lập trường chính trị vững vàng cho đội ngũ thuyết minh viên, đây là nhiệm vụ rất cần thiết nhất là trong giai đoạn hiện nay. Đạo đức nghề nghiệp, phong cách của thuyết minh viên có vai trò quan trọng trong quá trình tiếp nhận và truyền tải thông tin đến khách tham quan, hình ảnh điểm đến có thể để lại ấn tượng tốt hay không trong lòng du khách, đều có sự tác động về mặt ý thức chính trị của thuyết minh viên. Do vậy các nhà quản lý di tích cần đặc biệt quan tâm giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, tác phong nghề nghiệp cho đội ngũ thuyết minh viên. Coi đây là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng công tác thuyết minh.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để tăng cường hiệu quả công tác thuyết minh, giới thiệu và hướng dẫn. Những phương



tiện kỹ thuật hiện đại về nghe, nhìn nếu được sử dụng phù hợp sẽ làm tăng chất lượng thuyết minh, hướng dẫn, tạo nên những hiệu quả cao trong thu nhận thông tin cho du khách.

- Cần thiết phải xây dựng quy chế đối với thuyết minh viên tại di tích, trên cơ sở đó xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của thuyết minh viên. Đồng thời phải có những chế độ đãi ngộ với thuyết minh viên, nhất là đối với những người làm công tác thuyết minh ở những di tích vùng sâu, vùng xa, có như vậy mới khuyến khích, tạo điều kiện cho họ yên tâm công tác phát huy hết sức mình vào việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Có thể khẳng định rằng, công tác thuyết minh đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát huy giá trị di tích và giới thiệu quảng bá hình ảnh đất nước, con người địa phương. Công tác thuyết minh là mắt xích quan trọng trong dây chuyền dịch vụ du lịch. Chất lượng tốt của công tác thuyết minh sẽ góp phần làm nên chất lượng tốt cho sản phẩm du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng, mang lại hiệu quả cao về lợi ích kinh tế, văn hoá, chính trị.

### **9. Công tác xã hội hóa di tích**

Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam, đang trong tiến trình đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa, có tốc độ phát triển đô thị nhanh đồng thời cũng là địa phương rất quan tâm đến việc phát triển sự nghiệp văn hóa. Tuy nhiên làm thế nào để công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích hòa nhập với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng giai đoạn ở địa phương.

Để thu hút nhiều nguồn lực tham gia tự nguyện vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích một cách hiệu quả thì di tích phải thực sự là món ăn tinh thần của cộng đồng, phải là tiềm năng khai thác hấp dẫn cho các tổ chức và cá nhân; phải được đổi mới tư duy trong cách quản lý để vừa hạn chế được mặt tiêu cực vừa tận



dụng được cơ hội do cơ chế thị trường đưa lại, làm cho di tích thực sự có vị trí và vai trò trong đời sống xã hội hiện đại. Muốn làm được điều đó cần phải kết hợp nhuần nhuyễn mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố cơ bản sau:

- Cần xác định mục tiêu xã hội hóa hoạt động di tích không chỉ là kêu gọi sự đóng góp kinh phí cho bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích mà ý nghĩa sâu xa của nó là xác định quyền làm chủ trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích của công dân.

- Chủ động khai thác, khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng (bao gồm tài lực, vật lực, nhân lực, trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân phục vụ sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di tích danh thắng nói riêng. Để làm được điều đó cần có sự chủ động phối hợp với giữa các ngành, các đoàn thể quần chúng, cơ quan thông tấn báo chí vận động tạo điều kiện và tổ chức cho mọi người với tư cách cộng đồng (gồm các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế và các cá nhân...) có thể chủ động tham gia đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị di tích danh thắng.

- Xã hội hóa các hoạt động di tích không phải là “tự do hóa” và “tư nhân hóa” mà vai trò chủ đạo vẫn thuộc về các cơ quan chủ quản hướng dẫn theo đúng định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng và nhân lực, trí lực trong xã hội giảm bớt sự đầu tư của Nhà nước nhằm mục đích bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị di tích.

- Phổ biến sâu rộng đến toàn xã hội ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực thi Luật di sản văn hóa, Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP, ngày 18/4/2005; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30/5/2008 của Chính phủ, góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích, công tác xã hội hóa các hoạt động di tích.



- Cần có đường lối, chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế địa phương trên cơ sở đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức của cộng đồng để tạo sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo công chúng trong toàn xã hội đối với di tích danh thắng.

- Phải có sự phân cấp quản lý và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khi đầu tư vào di tích danh thắng.

- Khuyến khích phát triển mạnh các hình thức xã hội hóa theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự chủ về tài chính. Tuyên truyền, phổ biến các mô hình xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di tích điển hình, các tổ chức và cá nhân tích cực trong công tác xã hội hóa hoạt động di tích.

- Có cơ chế tôn vinh, khen thưởng bằng nhiều hình thức đối với những tổ chức và cá nhân có công; đồng thời xử lý nghiêm những tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm, hủy hoại di tích.

Công tác xã hội hóa hoạt động di tích nhiều năm qua đã thu hút được sự quan tâm đóng góp của toàn xã hội, góp phần to lớn vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước về chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Từ những thành tựu bước đầu, cần tiếp tục nghiên cứu đề ra những định hướng, giải pháp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích nói chung, công tác xã hội hóa hoạt động di tích nói riêng.

Bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên cơ sở không mâu thuẫn với nhau, ngược lại có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Bảo tồn là để phục vụ con người, phục vụ cho phát triển. Phát huy giá trị di tích là phục vụ mục tiêu giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển. Di sản văn hóa được bảo vệ với



tư cách là tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù, góp phần thúc đẩy phát triển ngành “công nghiệp không khói” có thể nhanh chóng làm thay đổi cơ cấu kinh tế trong cộng đồng cư dân tại địa phương. Bảo tồn và phát huy giá trị trên cơ sở tôn trọng di sản văn hóa, tôn trọng môi trường, cảnh quan thiên nhiên.

Trên cơ sở bảo tồn, phát huy di tích với những giải pháp hiệu quả, đem lại lợi ích thiết thực, duy trì các hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng địa phương, di tích đình Phú Mỹ không chỉ góp phần làm phong phú thêm sắc thái văn hóa của địa phương mà còn là tài nguyên di sản văn hóa đóng góp quan trọng trong phát triển bền vững của xã Phú Hội nói riêng, của huyện Nhơn Trạch và của tỉnh Đồng Nai.





**ẢNH TÁC GIẢ THAM QUAN DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ**







*Ảnh tác giả trò chuyện cùng bác Nguyễn Văn Ngọc  
(Trưởng Ban Quý tế đình Phú Mỹ)  
tại nhà riêng ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội*



**TÁC GIẢ THAM QUAN  
MỘT SỐ DI TÍCH CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG NAI**



*Di tích lịch sử đình Bình Quan (xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa)*



*Di tích lịch sử đình Bình Sơn (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)*





*Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật Miếu Tổ sư (Phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa)*



*Di tích lịch sử đình Phước Thiên (xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch)*



*Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ Trần Ngọc Du  
(Phường Tân Vạn, Tp. Biên Hòa)*



*Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)*





*Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu)*



*Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật đình Phước Lộc  
(thị trấn Long Thành, huyện Long Thành)*





*Di tích Chùa Bửu Hưng (Phường Quang Vinh, Tp. Biên Hòa)*



*Di tích lịch sử Thành Biên Hòa (Phường Quang Vinh, Tp. Biên Hòa)*



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai, Hồ sơ di tích đình Phú Mỹ.
2. Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích đình Phú Mỹ.
3. Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2009.
4. Quy chế tổ chức lễ hội (ban hành kèm theo quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Văn Hóa - Thông tin nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
5. Phan Đình Dũng. Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội truyền thống ở Biên Hòa. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên, 2008.
6. Đỗ Bá Nghiệp, Huỳnh Ngọc Trảng, Phan Đình Dũng và nhóm tác giả. Cù lao Phố Lịch sử và Văn hóa . NXB Đồng Nai. 1998.
7. Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (1998). Làng Bến cá xưa và nay, NXB.
8. Nguyễn Xuân Hồng. Đình làng Nam Bộ - dấu ấn về nguồn. Tập san Thông tin Khoa học, số 2 (32)/2012. Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Viện nghiên cứu xã hội Tp.HCM. Tô Thanh Bằng (chủ biên). Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM. 2008.
10. Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ).
11. Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 21/01/2011 quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;



12. Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

13. Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.